

**... Tôi thiết tha kêu gọi chư
Thượng tọa, Đại-đức Tăng, Ni
Phật tử, nên đoàn kết nhất trí
để bảo tồn Phật Giáo..**

TỶ KHEO QUẢNG-ĐỨC
(Trích mấy lời Tâm huyết)

Học để cứu mình và giúp đời
Chớ không phải học để vinh thân phì da

Nguyện cầu Quốc gia thống nhất
đạo pháp thịnh hưng, nhân dân
AN-LẠC...

Ban Quản trị tạp chí An Lạc

Đại đức Thích thông Bửu, Đại đức Thích
Giác Tuán, Đại đức Thích Minh Tri, Đại đức
Thích Hạnh Cơ, Học tăng Thích Thiện
Quang, học tăng Thích Nguyên Quang, giáo
sư Nguyễn bình Tuyên, Thi sĩ Thùy dương
Từ, đạo hữu Phùng chí Tú, Nữ sĩ
Song-Thu.

NGHĨ MÀ TỬ

— Nói năng An-Lạc

— Ngâm thình cũng An-Lạc.

Biết người biết ta trăm trận trăm thắng, Người kiếp trước giỏi tu, Ta kiếp trước vụng học, học toàn sách dánh gậm mỗi ăn,

Nhưng luật thừa trừ có cái gì là không thay đổi, môn vạn vật học, loài dánh chỉ sống có mấy chục ngày, loại mỗi một, sống có mấy tháng.

Nhất định nghĩ hơi cho khỏe, khỏe để có tinh thần viết bài gửi tạp chí An-Lạc, nhận tiền nhuận bút, mua tương rau ăn, tụng kinh gõ mõ, cầu nguyện cho loài người biết thương yêu, đừng gây hiểu lầm nhau, đừng có chém giết nhau nữa và nhất là đừng vì danh lợi mà gây khổ

cho chúng sanh, cho dân tộc và cầu nguyện cho loài vật mau thoát xác để được làm người, nhất là loài dánh loài mối, nếu loài dánh loài mối hết thì sách báo kinh điển đỡ phần bị gặm nhấm, hiện tại người đọc khỏi phải bực mình và mai hậu con cháu khỏi bị Tam sao thất bản hay bị thất chơn truyền. Sở dĩ viết bài này là vì một tủ sách bị nó gặm nhấm hư nát hết. Tôi tiếc tủ sách quý vô cùng và tôi buồn mấy con mối lắm, tôi ngâm lại bài thơ cách nay hai năm do một vị giảng sư gửi tặng tập văn chương lộn ngược thơ do tác giả Ngổc-Từ xuất bản tuy nhiều bài trào lộng hay, nhưng tôi thích bài thơ con mối nhất, nên khi gặp mối ăn kinh sách, tôi đều khẽ ngâm lại bài thơ, thì cảm thấy vui vui tôi xin ghi vào đây để vị nào gặp trường hợp như chúng tôi thử ngâm cho vui.

Con Mối

Giống này phá hoại khó mà tha
Xé nát tranh Ông đụn miễu Bà
Đục khoét tan tành cây cột gỗ
Moi đào nứt rạn cái mồ ma
Nặng về bới đất cho nghiêng nước

Mưa đến xoi cây đề sập nhà
Gặp Phật chẳng tu còn rúc rĩa
Đang tâm làm ổ chiếc «cà sa».

Thật thế gặp Phật chẳng tu còn rúc rĩa, nó ác lắm, tôi quyết cầu nguyện cho nó sớm cởi bỏ xác mối để được làm người, chứ không phải như câu thơ mở đề của nhà thơ Ngọc-Tử. «Giống này phá hoại khó mà tha».

Nó đại mới phá hoại, nếu khôn đâu có phá hoại, mình là bậc Đại trượng phu, phải tha thứ cho nó và chẳng những tha thứ mà còn phải nguyện cầu cho nó sớm thoát kiếp súc sanh và nếu không được thoát thì mình phải nghĩ mà tui cho số phận con mối, nó đã rũi sanh trong kiếp đọa đày và người ta ai cũng ghét nó cho nó là giống phá hoại, nhưng AN-LẠC tạp chí thì thương nó tui cho nó và cầu nguyện cho nó được hưởng những gì AN-LẠC của trần gian đừng gậm nhắm kính sách, có ngày sẽ bị người ta nổi xung đốt thì nó không sao kêu cứu cho kịp. Nghĩ mà tui và thương thay loài Mối Dáng.

A.L.

Người tại gia đối với Xã hội

THÍCH-TRÍ-QUANG

LÝ do của bốn phạm người tại gia đối với xã hội đã nói rõ trong bài trước rồi. Lý do ấy buộc người tại gia phải thực hành những điều sau đây :

1) XEM XÃ HỘI LÀ MỘT ĐẠI GIA ĐÌNH

Kinh luận Đại thừa nói tất cả chúng sinh nếu không phải thân thuộc thì cũng là cha mẹ bà con của chúng ta. Kinh Hoa Nghiêm nói « xem tất cả đấng ông là cha, tất cả đàn bà là mẹ » kinh 42 chương cũng

dạy : « Xem người lớn như cha mẹ, xem người nhỏ như anh chị em mà sanh tâm tế độ ». Thiết thực mà lý luận vững vàng nhất là lời của kinh Thiện sanh và kinh Ưu-bà-Tắc. Hai kinh ấy đều nói : « Phía sau con người là cha mẹ, phía trước con người là vợ con, phía mặt con người là thầy bạn, phía trái con người là giúp đỡ, phía trên con người là Chư Tăng, phía dưới con người là bà con; đổi lại, con người phải làm tròn bổn phận con người, làm chồng, vợ, học trò, ông chủ, hay người chịu ơn giáo hóa người điều là cùng một huyết thống ». Thuyết Trí ân trong Phật pháp cũng vậy, bằng một tinh thần lý đoán sắc sảo, thuyết ấy vạch ra cho con người ngoài thấy những ân huệ đề huệ còn có cái ân quan trọng nhất : ân tương trợ của chúng-sanh. Ân chúng-sanh là ân xã-hội mà còn rộng hơn xã-hội nữa. Con chó giữ nhà, con bò cày ruộng, cũng là sự tương quan sanh tồn của con người, hệ trọng như con người với con người vậy. Cho nên người tại gia phải xác nhận một cách sâu sắc rằng trong lẽ tương quan sanh tồn ấy, xã hội là đại gia đình của mình, đời sống của mình là thừa hưởng trực hay gián tiếp của xã hội thì phải đem đời sống ấy mà trực hay gián tiếp giúp ích cho xã hội.

2) THỰC HÀNH BỐN THỨ NHIẾP PHÁP

Bốn nhiếp pháp ấy là bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự. Bố thí là sự chu cấp không những cho tất cả mà còn bằng tất cả nữa, nên bố thí có 3 :

a) Bố thí tài sản : Chu cấp cho người bằng tài sản của mình. Tài sản có hai thứ : tài sản ở ngoài và tài sản ở trong. Tài sản ở ngoài là vật dụng và tiền của, tài sản ở trong là sức lực và tư tưởng. Như vậy chu cấp tiền của hay vật dụng nào mình có là bố thí tài sản, mà giúp sức cho người bằng sức lực và tư tưởng cũng là bố thí tài sản, một thứ

tài sản nghèo cho mấy cũng có và tài sản ấy mới thật là của mình. Phật dạy rằng : «Đời ai không có thân, có thân là có thể bố thí được ».

b) Bố thí Vô úy : Tức là đem năng lực, uy thế, tất cả những gì của mình có thể che chở để bố thí cho họ « sự không khiếp sợ » trong những lúc nguy biến ấy là vô úy thí. Đức Quan - Âm do thật hành như vậy mà thế giới Ta-bà cũng gọi là đấng bố thí sự vô-úy, xem đó đủ biết sự quan trọng.

c) Bố thí Chánh pháp : tức đem Phật pháp cảm hóa mọi người đó mới là phương tiện chánh của người tại gia phục vụ xã hội. Bởi vì cho người tài sản và che chở cho họ mà không thể cảm hóa họ quay đầu về Phật pháp thì chỉ có thể gọi là đem tiếng đàn hát thay vì trong chốn lạc tiếng đòi nợ mà thôi, không phải đã cắt cho xã hội cái nợ phiền não mà vì đó, con người với con người còn gây khổ cho nhau và chung nhau chịu khổ mãi mãi. Bởi vậy, Bố thí chánh pháp cho người mới thực là hình thức cao nhất thể mới đúng chứ không phải là kiến thiết thương tàng. hay giả ảo. Cho nên có trường hợp đem một đồng bạc mua một tờ báo Phật giáo cho người văn hơn là cho tiền họ ăn một chiếc bánh trong đó gói một sinh vật.

Hạnh bố thí bằng ba phương tiện như vậy là phần chánh. Để hoàn thành hạnh này là ái ngữ, lợi hành, là đồng sự, Ái ngữ là đối xử với người bằng sự mềm dẻo xuất phát từ một thiện ý thành thực cảm hóa. Lợi hành là kết duyên với họ, trong bất cứ trường hợp nào có thể tình thuận họ một vài điều nhỏ mà vô hại, như là sự giữ thể diện, giúp đỡ sự làm ăn, Đồng sự là phục vụ công việc lợi ích chung hay những phận sự xã hội mà mình phải gánh vác ; chưa hết, đồng sự có nghĩa là làm như cùng hội cùng thuyền với người nhưng với mục đích cảm hóa họ.

Với 4 nhiếp pháp như vậy người tại gia có thể hóa cái xã hội như chữ «nhiếp đã nêu lên chẳng ? chắc chắn là được, Bởi vì ở ngay trong xã hội mà hóa cái chứ không phải xuôi dòng với xã hội,

Còn nếu làm một ông trời cao ở trên thượng tầng của cấu tạo thì tự ông trời ấy đã không thể có, còn có đâu nói được đến việc vì xã hội, hay nếu tự chìm mình vào trong dòng thác như nhớt của xã hội thì xã hội đã như nhớt thêm vì nó rồi, còn đâu nữa nói đến việc hóa cải. Đến như việc người tại gia phải hóa cải xã hội bằng cách làm cho mọi người đổi mới cá nhân bằng chánh pháp và chỉ có cách đó mà thôi, mới gọi là hóa cải xã hội, thì điều ấy không cần phải luận chứng gì nữa.

NHIỆM VỤ HỘ PHÁP CỦA NGƯỜI TẠI GIA

Con người là căn bản của gia đình và xã hội loài người tất cả mọi vấn đề đều do con người phát sanh và đều phát sanh vì con người, bởi vậy, muốn đổi mới tất cả, căn bản là con người không thể không tự đổi mới trước hết bằng Phật pháp. Đó là một kết luận. Kết luận đó làm một lý do chắc chắn chứng minh một kết luận nữa : như vậy; con người tuyệt đối phải có trong gia đình và xã hội loài người thì với con người ấy, Phật pháp tuyệt đối phải có và tuyệt đối phải được bảo vệ. Vấn đề « Hộ pháp » được nêu lên trên trường hợp này. nó là vấn đề tự lợi, lợi tha mà muốn sống cố ý nghĩa và muốn phổ biến ý nghĩa ấy trong mọi tầng lớp và mọi thể hệ, bần phận chúng ta buộc chúng ta phải có.

Muốn « Hộ pháp » — Duy trì Phật Pháp — thì người tại gia phải làm gì ?

a) Phải áp dụng Phật pháp vào đời sống của mình. —

Đó là công việc căn bản. Vì Phật pháp gọi là còn, không phải còn ở ngoài chúng ta mà phải ở chính trong con người của mình

Đó là chưa kể rằng muốn duy trì Phật pháp thì phải phải phải ra cho mọi tầng lớp và cho tất cả thế hệ mai hậu, mà muốn vậy thì vấn đề « phải làm đê làm gương mẫu » là một nguyên tắc không thể thiếu được. Cái thành kiến quái gở cho rằng « Tôi phải hy sinh lợi ích của tôi cho sự lợi tha » cũng sẽ phải tan rã vì nguyên tắc này, bởi vì không có sự lợi tha nào đúng nghĩa từ ngữ ấy mà thiếu sự lợi tức sự tự áp dụng Phật pháp trước hết, hay đổi lại, cũng chẳng có một sự tự lợi nào đúng nghĩa của danh từ ấy mà không vì mục đích lợi tha tức vì lợi chung mà áp dụng Phật pháp.

b) Phải luôn luôn tỏ ra mình là người Phật tử. Thật là một điều kì lạ làm đáng khinh bỉ khi một người đã sống trong Phật pháp vô thượng mà không thẳng thắn bộc lộ ra, Họ bảo như thế để mọi người thấy mình không cố chấp tín ngưỡng của mình, nhưng họ cố biết đâu rằng cố giấu là một việc mà thành thật lại là việc khác. Không thành thật bộc lộ tư cách Phật tử của mình ra thì làm sao cảm hóa người được. Họ đi còn đi hợp tác với ngoại đạo tà ma. Họ bảo để tỏ tư cách quảng đại của Phật tử, nhưng lời nói ấy chỉ che đậy những lý do họ đi đạo làm bàn đạp cho lợi lộc cá nhân của mình mà thôi. Người Phật tử sao đi hợp tác với ngoại đạo ? Như thế, tam quy mà họ đã vi phạm, làm sao còn được ? Họ lại còn ngây ngô mà trở lại công kích trong khi không biết tổ chức, trong khi đó họ đem năng lực đáng lý họ phải góp vào công việc tổ chức đó mà hợp tác với sự tổ chức khác. Bởi vậy, khi đã xác nhận Phật pháp là vô thượng và chỉ hoạt động cho Phật pháp mà thôi mới là công cuộc hữu ích cho con người đúng với cái nghĩa của danh từ ấy, thì họ phải luôn luôn tỏ ra mình là Phật tử trong tất cả mọi trường hợp, bằng mấy cách bắt buộc sau đây :

1) thường đeo tượng phật và kính trọng, thân mến với người theo đạo.

2) Thường phải ăn chay và đi chùa mỗi tháng 2 ngày nếu có
gặp tiệc tùng hay lý do sinh sống cũng không được bỏ

3) Góp của và góp sức vào trong các tổ chức của Phật pháp để làm
những công việc hữu ích.

4) Khước từ thật sự sự hợp tác với ngoại đạo tà ma và trừ khử
những cử chỉ rụt rè, thái độ chạy chối và thụ động.

Mọi người tại gia phải nhớ rằng xã hội nào người ta cũng chỉ đúng
và hơn nữa, chỉ cảm hóa vì những người thành thực trong tín ngưỡng
của mình. Trái lại, không ai mà không khinh bỉ và nghi kỵ những kẻ kém
thành thực. Phải nhớ như vậy để mà trút bỏ đi những ý nghĩ vơ vẩn về
những sự nguy hiểm tưởng tượng. Nói tóm lại ta tỏ ra là Phật tử tức
là duy trì Phật pháp vậy. Ngược lại, sự tỏ ra đó thiếu đi thì ý thức
Phật tử đã không còn nữa mà ý thức này không thì luôn theo đó, tất cả
những gì của Phật tử phải có, họ sẽ quên mất hết.

c) Phải có tinh thần chịu trách nhiệm và trừ bỏ sự tự ty mặc cảm.
Tự ty mặc cảm là tự nghĩ mình thấp kém, tùy thuộc chứ không phải
chủ động, nhưng trái lại, thực tế chúng tỏ sự duy trì Phật pháp trong gia
đình và xã hội, người tại gia là người chủ động, mà lại là chủ động trực tiếp.
Bởi vậy, Phật pháp còn hay không trong gia đình và xã hội là trách nhiệm
trực tiếp của người tại gia. Thực tế này kêu gọi người tại gia hãy
lò cái thành kiến cho rằng Phật pháp quan trọng ở các thầy và bắt
Luộc người tại gia phải có tinh thần chịu trách nhiệm cái trách nhiệm
duy trì Phật pháp để hóa cái bản thân, hóa cái gia đình và xã hội. Cái
trách nhiệm ấy cũng không riêng gì đối với Phật pháp; vì sự hóa cái cần
phải có nên mọi tầng lớp, mọi thế hệ đòi hỏi người tại gia cái tinh thần
trách nhiệm ấy.

d) Phải hành động tích cực và thực tế. Vấn đề «hộ pháp» quan trọng
và hợp lý như vậy nó bắt buộc người tại gia, phải có những hành động

chực, thực tế một cách tế nhị, phải chống trả với mọi mưu mô ở ngoài
và mọi xu hướng ở trong, nếu những mưu mô và những xu hướng ấy
không làm hại Phật pháp trong hiện tại cũng làm hại về sau. Và tự mình,
phải tránh những gì ở mình mà chính nó có thể lôi kéo mình vào những
hành động phản bội Phật pháp. Phải tự giác mãnh liệt và đừng lừa mắt
những mối lợi nhân tiện hay lo sợ vu vơ cái hại trong tư tưởng. Phải
chống trả với những gì mà mình biết không trực tiếp cùng gián tiếp
ngày nay cũng ngày mai, không có thiện ý đối với sự sinh tồn
của Phật pháp. Tất cả những lý lẽ trên này nó thiết tha kêu gọi sự
hoạt động tận lực của chúng ta, to từ việc xả bỏ tánh mạng, nhỏ đến
thực bỏ ra từng đồng xu, tất cả tìm lực mà mình có, mình không từ.
Về ý thức này, người tại gia hãy bỏ cái thành kiến hiện giờ vẫn còn
lưu lại trong tư tưởng một số đồng, rằng việc đạo phải có tài và có sức.
Thưng cái tài hưởng ứng cũng cần thiết như cái tài hướng đạo, cái sức
cần hy lại cần hơn cái sức đồ sộ, bởi vì một bên chỉ có một thiểu số mà
một bên có một hậu thuẫn hùng hậu, cho nên những công việc vật và những
đồng bạc nhỏ, đối với đạo lúc này mới thật là quý giá; chúng nó là
những tấm lòng thành thực và sẽ góp thành một lực lượng to lớn.

Chỉ có vậy mới thật là hoạt động thực tế của tín đồ và cố
điền cũng chỉ có vậy mới duy trì Phật pháp được trong tất cả mọi
địa phương.

Nói tóm lại, vấn đề « Hộ pháp » nó quan trọng ở chỗ người
tại gia thành thực bộc lộ tín ngưỡng của mình và có tinh thần gánh
nhận trách nhiệm, phối hợp với những hoạt động dù nhỏ nhưng thực tế
rất mạnh. Chính đó, Phật pháp sẽ càng ngày càng sáng lạn huy
hàng, không những với những hình thức đồ sộ mà còn với những sự
đơn giản hóa tốt đẹp đối với toàn diện của đời sống con người.

BẢNG THỐNG KÊ CỦA NGƯỜI TẠI GIA

1) Xác nhận toàn diện đời mình—kể cả bản thân, gia đình và xã hội—đều do con người của mình làm căn bản.

2) Xác nhận toàn diện đời mình căn phải hóa cải và có thể hóa cải được.

3) Toàn diện đời mình phải hóa cải bằng Phật pháp, đó là mục đích của người tại gia

4) Phật pháp có hai phần: phần căn bản và phần hướng thượng. Người tại gia phải tu học phần căn bản để hóa cải đời mình.

5) Trước hết, tuy toàn diện đời mình gồm có cả gia đình và xã hội, nhưng căn bản là bản thân của mình, nên người tại gia phải giải quyết bản thân trước.

6) Rồi phải cảm hóa gia đình và phục vụ xã hội của mình.

7) Giải quyết bản thân cũng như cảm hóa gia đình và phục vụ xã hội đều theo giáo lý căn bản của Phật pháp, tức tam quy và ngũ giới.

8) Mọi chi tiết cần thiết phải áp dụng tỷ mỉ và tế nhị đều gốc ở giáo lý căn bản trên mà ra.

9) Phải xác nhận chỉ có sự hóa cải toàn diện đời mình bằng giáo lý căn bản của Phật pháp, như vậy mới có thể làm cho đời mình mới mẻ từ trong đến ngoài, với tất cả cái nghĩa của chữ ấy.

10) Phật pháp đã giúp cho mình hóa cải toàn diện đời mình như vậy thì tận lực bảo vệ Phật pháp là bổn phận tuyệt đối mình phải có.

Bảng thống kê này, như vậy, cũng đủ cho người tại gia hiểu mình phải biết những gì và làm những gì.

mơ

Ai mơ tiếng hát du dương

Tôi mơ muôn loại Tây Phương nguyện về

Ai mơ đêm lợn giết dê

Tôi mơ nhân loại bỏ nghề sát sanh

Ai mơ má đẹp mày xanh

Tôi mơ học Đạo tu hành tinh chuyên

Ai mơ rượu thịt ngựa nghé !

Tôi mơ xuất thế đoạn phiền não căn

Ai mơ thiết giáp xe tăng !

Tôi mơ tỏ rạng ánh trăng Hòa Bình

Ai mơ con vợ đẹp xinh

Tôi mơ Dân tộc nạng ông từ-bì

Ai mơ điệu nhạc mê ly

Tôi mơ nhân loại thọ từ Phật danh

T. MINH-TRI

THIỆU - SƠN

TU ĐỀ QUÊN

và

TU ĐỀ NHỚ

TÔI tự coi mình là một Phật tử, nhưng chưa quy y vì chưa thấy rõ sự nhiệm mầu của Phật pháp. Tôi cho rằng Đức Phật

chỉ là một người, nhưng là một con người vĩ đại và có những tư tưởng siêu việt, khả dĩ lãnh đạo được tư tưởng của tôi trong công việc tu thân và xử thế. Nhờ đó mà tất cả mọi cuộc tranh đấu của Phật-giáo chống bạo quyền nhà Ngô và đòi chủ quyền đất nước, tôi đều tán thành và ủng hộ bằng ngòi bút của tôi ở trên những tờ báo của Phật giáo. Nhưng tôi không tham gia một cuộc biểu tình nào vì cho là tôi đã làm hết phận sự của tôi ở một địa hạt « quan trọng hơn.

Thật ra tôi cũng ngần vì rui bèn đàn áp thì chạy không kịp, hay là trúng bẫy một viên đạn mà chết hoặc bị bắt ở tù thì thiệt thân và làm khổ vợ con là khác nữa.

Vả lại tôi cứ cần tran

đầu cho dân tộc chứ chưa biết theo pháp là gì.

Nhưng gần đây tôi đi xe Lam từ Gia Định ra Saigon. Trong xe có một ni cô, khi đóng tiền xe ni cô nói :
« có vị nào hoan hỷ trả giúp tiền xe cho tôi. Hồi này, có một người xin. Có 5 đồng tôi cho hết mà không nhớ giữ lại trả tiền xe ». Tôi liền móc 5 đồng đóng tiền xe cho vị Ni cô. Khi xuống xe ở Saigon tôi hỏi ni cô lát về Bà Chiểu nếu có cần thì tôi giúp cho 5 đồng nữa. Thật ra tôi chẳng tử tế gì đâu tôi muốn thử lòng đó thôi. Ni cô nói : *« cám ơn bác, lát nữa tôi sẽ có tiền về xe khỏi phiền bác nữa »*

Tôi mắc cỡ quá, trần tục quá đời với một người tu hành mà cũng đem dạ nghi ngờ. Hơn nữa số tiền có đáng bao nhiêu. Hôm đó trong túi tôi có cả ngàn đồng bạc mới lãnh tiền nhuận bút xong

Tôi tự hỏi : nếu tôi chỉ có 5

đồng để đi xe tôi có dám bỏ hết cho người khác không ? Nếu tiền xe thay vì 5đ. mà lên tới năm chục hay một trăm đồng tôi có giúp cho ni cô một cách dễ dàng như thế không ?

Tôi thấy rằng tôn giáo nhất là Phật giáo chưa ắt đã là nha phiến của nhân dân. Nha phiến làm cho người ta say sưa quên cả sự đời nhưng tới cơn nghiện họ đâu có thể quên được. Họ quên đời mà vẫn không quên họ được. Và nếu tới cử mà không có thuốc thì họ có thể làm tất cả mọi chuyện xấu xa để thỏa mãn cơn nghiện.

Ni cô nói trên không say nha phiến mà say mùi đạo nên khi đóng lòng từ bi thì cho tất cả mà không nhớ rằng mình còn phải trả tiền xe. Tu đề mà quên, cái quên đó đẹp vô cùng, cao thượng vô cùng. Nhưng cũng tu đề mà nhớ. Nhớ rằng mình không sống trọn trọn đời. Mình sống trong lòng dân tộc, trong lòng nhân loại, không bao giờ

thấy một người đau khổ mà bỏ qua. Nếu có vì cứu người mà bị làm nạn cũng cứ việc làm. Nhớ rằng đồng bào mình phần đông theo đạo Phật chắc cũng có người sẵn lòng giúp mình như mình đã giúp người khác. Và nếu rùi trong xe lại chỉ có những người ghét Tăng ni mà xua đuổi mình xuống xe thì lại càng được phước chứ sao? Phật chịu khổ để chia bớt cái khổ của chúng sanh mà càng chịu khổ nhiều thì càng nhiều công đức. Nhưng ni cô còn nhớ rằng mình sẽ có tiền đi xe về nên thấy rằng mình không có quyền thọ lãnh thêm 5 đồng của ông khách chào tằm». Nếu không phải người tu hành thì cứ lãnh đại đi để phòng hồ rùi lát nữa không gặp người đưa tiền cho mình thì sao?

Tiền dư lại làm việc bớ thí có phải được phước thêm không? Người tu hành không có thể có lối tính toán như thế được. *Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi*. Cái nhân làm của tôi làm sao hiểu nổi cái đạo

làm của người tu hành. Tôi cũng biết quên biết nhớ nhưng chưa bao giờ quên mình vì người khác và nhớ tới người khác hơn nhớ mình. Tôi chưa xứng đáng là một Phật tử.

oOo

Tôi có một ông bạn ở vào
bực đàn anh. Ông giỏi lắm, thông
minh biết nhiều ngoại ngữ mà lại
là một nhà văn có nhiều tên tuổi

Ông bị án tử hình
bị đưa ra Côn Lôn nhưng nhờ cách
mạng 1-11 mà ông được sống trở
lại về đất liền. Tôi xin vào khám
Chí hòa thăm ông và thấy ông khá
hắn đi. Ra khỏi khám, ông còn
gặp tôi một lần nữa và cho hay
rằng nhờ nghiên cứu kinh Phật mà
ông có sức chịu đựng trong những
cực nguy cùng khổ. Ông còn học
tham thiên và nhờ vậy mà thấy
người thanh thoát. Ông làm cho
tôi mê đạo và chắc chắn phen này
ông sẽ từ bỏ hết giàu sang phú quý
mà ở lại trong lán lều để làm vinh
dự cho làng văn làng báo.

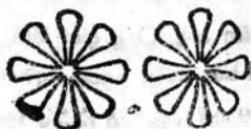
tự của chính phủ hợp pháp nhà Ngô và như vậy thì tới nay ông có còn tham thiên và nhớ Phật ở trong khám, tử hình ngoài Côn Sơn.

Nay ông quên thật rồi, nhưng ông có nhớ tới những ngày Phật độ cho ông không ?

Phần tôi thì không bao giờ quên những lời giải thích của ông cho tôi biết thêm về chân lý nhà Phật.

Nhưng thật ra, tôi sợ đặc được ở v! Ni cô tôi đã kể nhiều hơn là ở những lời cắt nghĩa thông thái của ông. Tôi không quên nhưng nhất định không bao giờ bỏ Phật vì nhờ đó mà tôi biết quên những cái nào nên quên, biết nhớ những cái nào đáng nhớ.

THIỆU SƠN



Nhưng tôi lấy làm sững sốt mà thấy ông viết bài cho báo *Quyết Tiến* có đề cập đến hai danh từ *chánh động* và *loạn động*. Ông cho rằng những cuộc tranh đấu vừa qua là loạn động và tất cả những việc làm hợp pháp là chánh động.

Điều đó tôi lấy làm bất nhẫn. Không biết ông nghĩ sao về cuộc tranh đấu kỳ trước của Phật giáo đưa tới cuộc cách mạng 1-11 để giải thoát cho ông? Ông cho là chánh động hay loạn động? Theo lối lập luận của ông thì tất cả đều là loạn động và chánh động phải là công việc văn hồi an ninh trật

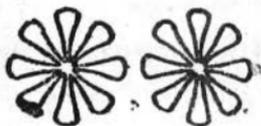
thi
nhân



thời tao loạn

giang tâm thu thủy bình !!!
sơn sắc nơ vân cô
thú tiêu dao thanh sử với đàn hồ
tinh quyển luyện cao sơn cũng minh nguyệt
quốc phá gia vong nào có biết
nơi sa trường, chiến huyết đã lán tay
văn thi chắm chú dùi mài
nehe bom đạn mới nhớ người chiến sĩ
bất luận hề thù bỉ
mặc ngôn thị Bắc Nam
từ Cà mau đến giải Hồng lam
thắng tới ai Nam quan đều nòi giống
ừ nhĩ, thi nhân ta còn sống
sống này như giấc mộng đêm xuân.
bốn phương trời khói lửa ừng hồng
lòng thi sĩ lưỡng băng khuâng cùng chủng tộc
muốn bỏ hết văn thơ gió lốc
đề theo dùi đại cáo bình ngô

vì ta còn học vấn sơ thô
sử kính lăm chỗ mơ hồ chưa thông,
thử ôn lại non sông Hồng Lạc
bốn nghìn năm tan nát về đâu
biết bao bãi bể nương dâu
thì nhân thời loạn đeo sầu vùng lên
trót sinh trong cõi nhân hoàn !



Cảm thu

nước trời biêng biếc cỏ cây vàng
bốn vách trùng ngăm lẫn sừng tan
ái Bắc mit mù tin nhận vắng
Thành Nam réo rất giọng quên than
Trăng soi lờ mờ rừng reo ngọc.
gió thổi lai rai đất lợp vàng.
cảnh vật biết bao nguồn cảm hứng
sầu riêng, riêng đề khách tha hương

SONG THU

PHẢI CẢI CÁCH GIÁO DỤC như thế nào

N H Ỉ N vào thành phần kết hợp nhân dân Việt Nam hiện tại, những nhà thức giả có tâm huyết đều lo lắng, Không biết quốc gia Việt Nam rồi đây sẽ đi về đâu :

Những kẻ tự nhận mình là trí thức, có bằng cấp, có địa vị, có tiền tài, thì đa số là vong bản chỉ nghĩ tới quyền lợi riêng tư, không thiết tha gì tới vận mệnh của quốc gia dân tộc.

Thợ thuyền thì quá lo tranh đấu cho quyền lợi cá nhân hay đoàn thể, mà quên mất rằng, quyền lợi của vô sản phải lệ thuộc vào tư bản tư bản mà chết thì vô sản cũng không còn, thành ra chúng ta ở vào một cái thế không có một cơ sở nào khuếch trương công kỹ nghệ vì chưa làm, đã sợ thợ thuyền đình công khiến cho không một cơ sở kỹ nghệ nào dám có một chủ trương tồn tại vĩnh cửu.

Nhà buồn thì chỉ lo tích trữ đầu cơ mua thật hạ bán thật cao
thuế má lần tránh làm sao cho phải đóng thật ít, chỉ muốn thu vào mà
không muốn bỏ tiền ra, bao giờ cũng mong chiến tranh còn mãi để có
lợi thêm nhiều, và càng có lính ngoại quốc lại càng được
lợi. Bọn này không đếm xỉa tới nước mắt hay còn, ai cầm quyền và ai
đau khổ.

Trước mắt họ chỉ biết có tiền, đầu óc họ chỉ biết có tiền và
tương lai cũng chỉ mong có tiền. Sống chết mặc ai, tiền sao đầy túi, đầy
là chủ trương của bọn tư bản bần bản này.

Quân đội, một số rất tận tâm với nghĩa vụ, tìm thấy ở chiến
trường cái vinh quang của thân thể, cái tài ba của sự chỉ huy, tinh chiến
hữu của anh em đồng đội ... nhưng còn một số, chỉ mong
chuồn về hậu tuyến,

Còn một số nông dân thì sống không có lý tưởng, không biết có
ngày mai,

Thóc lúa đầy đồng nhiều khi không được gặt,

Thanh thiếu niên trước một thành phần quốc gia hỗn độn như
vậy không biết trồng cây vào đâu,

Ngoài ra công cuộc huấn luyện nô tài của nền giáo dục 80 năm nô lệ dưới thời Pháp thuộc, đã đào tạo nên một số tay sai vong bản, rồi nền hành chính thực dân của Pháp chẳng còn nắm giữ chính quyền nhưng từ 20 năm uay vãn còn tồn tại chúng ta nên nhờ là chính sách thuộc địa là chính sách ngu dân cũng là để nuôi một số tay sai ăn hai lúc nào cũng trung thành với chủ bằng mọi giá, dù có phải bóc lột đồng bào đến tận xương tủy.

Một quốc gia mà thành phần như vậy thì hy vọng gì một ngày gần đây có thể theo kịp Đức hay Nhật ... Và cứ cái đà này mà theo đuổi mãi tất nhiên rồi đây chúng ta sẽ kém cỏi cả những nước dân em láng giềng như Đài loan, Thái Lan, và có thể kém cả Cao mên nữa...cũng nên.

Việc cần thiết của hiện tại là phải tổ chức lại nền hành chính và tổ chức lại thành phần quốc gia. Sự tổ chức nào cũng là tạm bợ đến những con người vẫn là những con người cũ, nền đường lối vẫn là đường lối cũ... Trong cái thể hệ hiện tại, chúng ta không thể trông mong gì có thể trở nên một nước phú cường như Đức như Nhật ... Và có thể cho đến 100 năm hay 200 năm nữa, chúng ta cũng vẫn không bằng cái hiện tại của Đức hay Nhật ... Vì vậy muốn tiến chúng ta phải lo xây dựng tương lai, lo sớm một ngày có lợi cho một ngày, lo sớm hai ngày là lợi được hai ngày,...để chậm bao nhiêu thiệt bấy nhiêu... Nói tóm lại chúng ta phải thay đổi hẳn chương trình giáo dục và đào tạo thanh thiếu niên lại, bằng một phương pháp khác chúng ta không thể chấp thuận đường lối giáo dục củ của thực dân để huấn luyện nô tài, và chúng ta cũng không thể chấp nhận đường lối mị dân một cách ngu xuẩn của lớp nô tài ấy, khi quyền hành chẳng may lọt vào tay chúng, chúng không có một mảy may tinh thần dân tộc trong đầu óc, làm sao có thể

huấn luyện đội lớp thanh thiếu niên cường cội của đất nước trong tương lai được...

Chúng ta không là gì tại sao

Thanh thiếu niên, học hành càng ngày càng kém hơn trước—Sinh ngữ kém đã đành, cổ điển Việt văn, đến nỗi một giáo sư ở Văn Khoa Đại học phải than phiền là học trò chưa biết chấm câu thì không hiểu sự giáo dục của chúng ta thấp kém đến thế nào mà đề sinh viên đời bại đần như vậy... Về phần học hành đã đành là thế nhưng phần hạnh kiểm chúng ta cũng thấy con người ngày nay kém xa con người ngày trước...

Trước kia, tuy thời Pháp thuộc những kẻ cầm bút, dù giàu dù nghèo vẫn giữ gìn một sa con gái, ý tứ học trò. Dù có nghịch ngợm đến đâu không một học trò nào dám vượt ra ngoài lễ giáo. Người ta có thể tỏ chức đánh nhau với lính, đánh nhau với Tây, trong cuộc đánh nhau ấy sĩ-khi vẫn còn không mất. Ngày nay học trò phố này đánh với phố kia, nguyên nhân lắm khi chỉ là vài cô điểm. Rồi những bọn học trò, miệng còn hôi sữa,

, như vụ mấy cậu học trò học ở H. Đ. nhà ở Hồ Nai, đón gái ở dọc đường xa lộ khi trời đã về chiều để làm trò bỉ ổi..

Chúng ta thấy từ học hành, đến nhân cách, một số sinh viên và học sinh bây giờ không còn biết giữ gìn nhân phẩm như trước nữa... Cũng may mà chỉ là một số ít thôi. Nhưng mặc dầu chỉ là một số tối thiểu chúng ta đã thấy một điềm báo nguy. Là thanh thiếu niên Nam Việt có thể tiếm vào chốn sa đọa, truy lạc chưa bao giờ có. Trước sự nguy cơ ấy, chúng ta phải cải cách lại ngành giáo dục từ tiểu học đến đại học, sao cho con em của chúng ta sẽ khác hẳn thế hệ trước, sao cho con em của chúng ta khi ra khỏi trường không còn có cái tự ti mặc cảm trước sinh viên thế giới và không còn có đức tính tự cao tự đại đối với đồng bào của nước mình, như chúng ta vẫn thường thấy trong giai đoạn vong quốc vừa qua, đã biết bao nhiêu kẻ sau khi du học ngoại quốc, hoặc giết được mảnh bằng cử nhân, bác sĩ, hay kỹ sư..., về đến nước nhà trường.

mình đã là ông trời con, thực ra trước thanh niên nước người. Sinh viên du học kỹ chưa xứng đáng là một tên tóc đen trong làng học vấn. Đáng lẽ ra, dù là cái học vấn tối thiểu, thanh niên trí thức kia, đáng lẽ đem cái sở học của mình ra để truyền bá dạy bảo con em cho hơn người, thì tại chỉ dùng cái sở học của mình vào chỗ xu phụ thực dân và coi rẻ đồng bào mình chưa được học cái hay cái lạ của người,... Rồi tới khi nước mình thoát ra được khỏi cảnh nô lệ thì những sinh viên trong nước, nhận thấy sự học tập khó khăn từ trước chỉ nay chỉ vì vấn đề ngoại ngữ Việt Nam học tiếng Pháp tiếng Anh. Làm sao hằng được người Pháp người Anh học tiếng nước họ. Nhưng sách vở tiếng Việt mình chưa có. Các ông Bác sĩ kỹ sư từng đi du học ở nước người, chưa có vị nào có tài xuất bản ra một cuốn sách nghiên cứu như những Bác sĩ kỹ sư nước người. Ông nào cũng lo chuyện Vinh thân phi gia, có ai lo tới việc quốc phú dân Cường đầu. Ban tu thư bộ quốc gia giáo dục, từ ngày thành lập ra đến giờ chưa in được một bộ sách nào có giá trị. Ngoài những quyển in lại của Dương Quảng Hàm, Phạm Hnhnh, Trần trọng Kim, những học giả của thời nô lệ chưa được đi du học bao giờ... Chính phủ đã vạy lại mị dân, dùng tiếng Việt làm chuyện ngữ trong khi chưa có một ngôn ngữ khoa học thích đáng nào... trong khi chưa có một chút sửa soạn nào. Sinh viên Đại học ngoài ra sự giảng dạy của nhà trường không có một quyển sách nào bằng Việt ngữ để có thể khảo cứu thêm. Sinh viên nước người ngoài sự giảng dạy của giáo sư còn có bao nhiêu sách vở để tham khảo. Sự học ở nước người tiến tới một cách chắc chắn, Sự học của nước mình trái lại vì vạy mỗi ngày mỗi kém cỏi thêm bởi vạy. Cái tại vạ thứ hai nữa là các giáo sư khoa học, nói tiếng Việt không thạo. Nếu chúng ta, có ai chịu khó tới các trường khoa học nghe một giờ giảng dạy, chúng ta chẳng hiểu ông thầy nói tiếng gì... Cái tại vạ thứ ba nữa là mỗi một giáo sư giảng bài một lối. Nên khi ra thi học trò của giáo sư này làm bài mà gặp phải các giáo sư khác chấm thì 8 phần 10 cầm chắc cái trượt trong tay. Ở Đại học nước người giáo sư chỉ làm nhiệm vụ hướng dẫn trình bày bắt sinh viên mãi tìm hiểu thêm ở sách này sách nọ. Ở nước mình, truyện đó làm sao mà có được. Sách vở tiếng Việt không có

mà sách vở, bằng tiếng ngoại ngữ cũng không có... Những vấn đề này chính phủ không một ai chịu khó giải quyết dùm sinh viên... Thành ra tìm hiểu học cho đến Đại học. Chúng ta chưa có một phương pháp nào đào tạo nhân tài. Muốn huấn luyện nhân tài, chúng ta trước hết phải cho thanh niên học sinh, có cái học căn bản chắc chắn, nghĩa là trước khi có thi cho đi ganh đua với học viên thế giới.

Cần phải có một căn bản tu thân vững vàng. Trước kia chúng ta đi học, làm một sự gì xấu xa, như ăn cơm dưới bếp, ăn quà ngoài đường chúng ta còn sợ người ngoài đàm tiếu là học trò sao không biết giữ giá trị đưng có nói tới truyện ra đường ghẹo gái hay đâm chém nhau vì một cô điểm mắt nết hư thân Các cụ ngày xưa trước khi cho chúng ta vào trường thường còn bắt chúng ta thuộc lòng những bài gia huấn, những câu cách ngôn từ gia như Nguyễn trãi huấn ca, Minh đạo gia huấn ca, Chu tử trị gia cách ngôn, Tảo đại gia nữ huấn ... Nhưng bài học ấy cho chúng ta những phương pháp tu thân xử thế, có khi suốt một đời người... Ngày nay cho trẻ con đến trường đi học, việc đầu tiên chúng ta phải lo lắng là làm thế nào để đưa trẻ con mà chúng ta diu dắt kia sẽ là một công dân gương mẫu, cho tất cả những công dân khác... Một công dân gương mẫu, không phải chỉ là một công dân biết đồn thóc đầy đủ cho chính phủ, biết nghe theo luật lệ trong nước, mà còn phải là một người con hiếu, một người anh hiền, một người em thảo, một người chồng biết trông nom gia đình vợ con, một người bạn tốt, vêu người như yêu mình, biết giữ gìn của người khác như của mình, làm việc ở công sở thì tận tâm với nhiệm vụ, nếu giàu có, thì cứu mạng những kẻ nghèo hèn, không ganh tị kẻ giàu hơn, không khinh miệt người kém cõi thiếu thốn hơn mình đối với các vị huynh trưởng, các vị bô lão, không bao giờ tỏ ra hỗn hào xất lão, trong sự ganh đua, cũng vẫn phải lễ độ khiêm nhường...

Với tất cả những yếu tố đó, hàng ngày đem ra giảng dạy con trẻ, bắt nó thuộc lòng như chôn vào ruột, ngày nào cũng nhìn, ngày nào cũng ôn và em nó có khi nào phạm vào những luật lệ tu thân như vậy... Đứa trẻ sẽ thành những công dân gương mẫu. Con gái cũng vậy, tuy trào lưu thế giới đương thúc đẩy cũng có quyền như nam giới, ra vào quốc hội, xuất nhập quyền môn, nhưng nếu người con gái không giữ lễ con gái, lại chỉ hay

đàn điểm, cờ bạc, hay to mồm với hàng xóm láng giềng, hay lăng loàn với ông chú bà bác, chỉ em không ai bằng lòng, thế ai tra nổi. Và dù ở một quốc gia tân tiến tới đâu mặc lòng, người ta vẫn ca tụng những người vợ hiền dâu thảo, tề gia nội trợ đảm đương. Nữ tặc Vũ tặc Thiên, Trần lệ Xuân dù tài giỏi đến mấy, vẫn bị người khinh miệt. Con gái mà vậy tức không học nữ huấn ca... Sự đua đòi ăn mặc của những gái con nhà nết nếp thường không có quá lộ lăng như những gia đình mới nổi hay ở những nhà tri thức quá vọng bản... Và chúng con là gái một thứ dễ hay dâm độ thanh niên vào đường sa đoạ nhất. Muốn hướng dẫn thanh niên nam giới, chúng ta đừng quên công việc rất tầm thường là hướng dẫn cả thanh niên luôn nữ giới.

Vì vậy việc giáo dục căn bản chúng ta phải đặt ngay từ ngành tiểu học trở lên... Từ lứa bé lên 5 lên 6 cấp sách đèn trường chúng ta đã phải dạy bảo nó mọi lễ tu thân và mọi lễ ăn ở với cha mẹ anh em, họ hàng, bè bạn, Nhất nhất cái gì cũng phải răn bảo. Ngoài ra trong những cuộc học tập nhi đồng, chúng ta nên khuyến khích chúng tìm cách giúp đỡ cha mẹ trong các công việc hàng ngày, khuyến khích đoàn tụ thương yêu nhau, nên tránh những sự cãi cọ hay đánh lộn nhau...

Chúng ta không cần nhồi sọ trẻ con nhiều bài vở quá... Những truyện cổ tích chớ chúng xem là những truyện chọn lọc, dạy bảo chúng trở nên người bạn hiền, người con hiếu, Chúng ta phải nhồi vào óc chúng, những trẻ cao bồi du đảng đều là những lớp người mà quốc dân ruồng bỏ. Những đứa trẻ vô liêm, phạm sống lang thang nay đây mai đó đều phải đưa về các cơ quan từ thiện dạy dỗ nuôi nấng. Mỗi ngày một chút lễ, nghĩa, liêm sỉ đều nhồi vào óc đứa trẻ thì con trai làm gì không hiếu nghĩa, con gái làm gì không trinh thuận. Đời nào chúng ta còn thấy những đứa trẻ chạy theo linh ngoại quốc xin tiền, làm nhục nhã cả cho ông cha, cho nòi giống.. Một đứa trẻ con của Nhật bản trên đảo Okinawa, điều liêu mình nhảy xuống bể không chịu cái nhục vong quốc, sao chúng ta không thể huấn luyện cho con trẻ chúng ta, thấy của rơi không thèm nhặt, thấy điều phi lễ không thèm làm, không thèm nói và không thêm...

Suốt năm năm trời tiểu học, chúng ta không cần dạy trẻ quá nhiều, chỉ trong phạm vi 4 phép tính, sử ký, địa dư không cần lắm, nhưng luân lý đạo đức là điều phải luôn luôn trau dồi cho đứa trẻ.

Các bài gia huấn ca, các bài cách ngôn bằng chữ Hán dạy trẻ được cả. Người Việt Nam sẵn có một trí nhớ tốt. Chúng ta phải tập luyện ngay từ khi còn nhỏ. Đứa trẻ có thể vừa học tiếng Việt, e. a thêm mấy câu chữ Hán không sao, cứ học thuộc lòng sau sẽ quen đi.

Sang tới trung học. Chúng ta hãy bắt đầu cho trẻ học nhiều hơn một chút. Chúng ta nên nghĩ sao cho trẻ con học ít mà biết nhiều. Chúng ta phải xem xét năng khiếu của đứa trẻ.

Đứa nào sinh vì thơ văn, chúng ta cho học ngay lớp Hán Việt trẻ nào sinh về sinh ngữ chúng ta cho theo học các lớp ngoại ngữ. Chúng ta nên nhớ là bản trung học là bực thang vào ngưỡng cửa Đại học. Vào Đại học thì sinh ngữ phải thông thạo lắm rồi. Bảy năm trời học sinh ngữ, nên học đều đặn không thể nào kém cỏi được. Chúng ta phải khuyến khích những học sinh có năng khiếu về khoa học hay về Toán nên cố gắng về sinh ngữ...

Liên tiếp học 7 năm sinh ngữ học sinh trung học có thể giỏi ngang có bằng Trung học đệ nhất cấp của Pháp hay của Anh nếu chúng ta chịu khó đề mỗi tuần 6 giờ học cho mỗi thứ sinh ngữ, Mỗi người bắt buộc phải tron 2 sinh ngữ. Ai học lớp Hán, Việt, cũng phải chọn thêm một sinh ngữ. Chúng ta nên đi ở Trung học 4 thứ sinh ngữ, ai muốn học sinh ngữ nào tùy ý: Pháp, Anh, Đức, Nhật... Dù có phải khổ công học sinh ngữ, chúng ta cũng phải thấy học sinh bây giờ học nhân hơn học Sinh ngày trước nhiều, Còn chương trình khoa học. chúng ta cũng phải xem chương trình giáo dục quốc tế nay luôn luôn thay đổi, cho học sinh nước mình hợp với trình độ học sinh quốc tế...

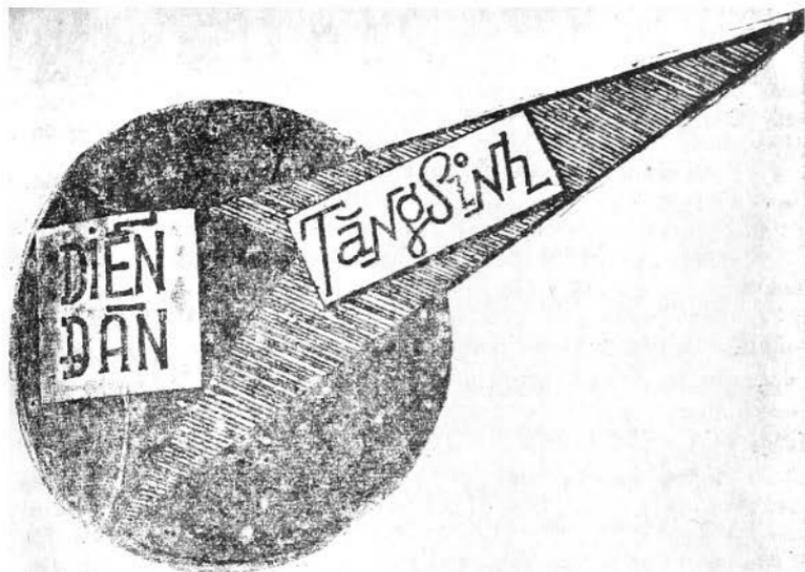
Chúng ta đừng để học sinh quá kém cỏi, trước ngưỡng cửa Đại học..., Bộ giáo dục có nhiệm vụ làm sao cho học sinh học ít mà thấu đạt được nhiều, và giúp cho tinh thần hiếu học của thanh thiếu niên một ngày một tăng tiến...

Với bằng tú tài trong tay, sinh viên Việt nam về ngoại ngữ có thể nói chuyện với ngoại kiều không ngưng ngẹn và không cần phải đi học thêm ở hội Việt Mỹ hay hội văn hóa Pháp như bây giờ...

Như vậy lên đến Đại học, dù ở phân khoa nào sinh viên Việt Nam không còn phải ngỡ ngàng trước vấn đề chuyển ngữ và trước vấn đề tham khảo sách vở.

Ngoài ra đề huấn luyện cho học sinh Việt Nam có cái học lực căn bản hùng hậu, chính phủ nên rèn cho học sinh Việt Nam, học thêm nhạc và trau dồi thêm Võ sĩ đạo... Học Nhạc cho tâm hồn biết thưởng thức cái đẹp, và không có những hành động thô lỗ—Học Judo cho học sinh không có tinh thần tự ti trước sức mạnh... Và trên đường du học không gì đẹp bằng thấy sinh viên nước đó vừa học giỏi, vừa đàn hay lại vừa võ giỏi... vừa phong nhã lại vừa hào hùng.

KỶ SAU : Nền Đại học Việt Nam nên cải tổ thế nào



QUA mấy ngày đại hội của giáo hội công việc còn ứ đọng nhiều không lường tượng.

— Công việc của Tổng Đoàn Thanh Niên Tăng Ni

— Công việc của Tăng chúng ở Tu viện Q.T.Â.

Bên cạnh ấy, tôi soạn An-Lạc chõng một đồng bài chưa đọc, bài phõng số sáu chưa viết, bản cáo chưa sửa, mười lăm trang trắng,

ĐẠI
DỨC

**

THÍCH
THÔNG
BỬU

*

thiếu bài thơ sắp chữ hồi, giấy in
khô, thợ máy trống và còn rất nhiều
việc nhĩ hằng bất thường không thể
tê hết. Tuy nhiên chúng tôi không vì
công việc bận bề mà quên việc đi
viếng thăm các Phật học đường,
heo chương trình đã hoạch định
hàng tháng. Trên đường đi viếng
Phật học đường Huệ-Nghiêm (tại
An dưỡng địa Phú Lâm) có 3 vị
Thượng tọa (Trí Thành, Thiên Hưng)
Phước Trí) vì xe hư phải dừng dọc
đường nên đến nơi đúng 16 giờ. Học
tăng đã vào lớp chỉ còn mấy vị
học lớp sáng ở ngoài. Ban giám đốc
Phật học đường ba vị Thượng tọa
(Thiện Tâm, Hữu Huệ, Thanh Từ),
bạn Phật sự nơi khác chỉ còn Đại
đức Phước Hào thay mặt ban
giám đốc xử lý thường vụ Phật
học đường, chúng tôi được một
vị học Tăng hướng dẫn vào phòng
giám đốc, được Đại đức Phước
Hào đón tiếp, qua câu chuyện xã
giao hỏi thăm sức khỏe của Tăng
chúng và quý Thượng tọa ở Phật
học đường Đại đức Phước Hào

cũng hỏi thăm tình hình Phật sự
miền trung và than phiền là
Phật sự ở Phật học đường lúc này
thì nhiều quá mà rất ít người nên
không thể trông nom xiết.

Một lớp của Đại Đức đều bay
nhảy khắp các nơi để hành đạo, riêng
Đại đức suốt mười năm đều vào ra
với Phật học đường Đại Đức về đây
đã ba năm, đáng lẽ năm nay Đại
Đức theo dõi chứng chỉ cử nhơn
Đại học, nhưng vì quý Thượng tọa
giao phó. Đại đức đành chịu tạm gác
Ôi cao cả thay hạnh nguyện quên
mình vì người; câu chuyện chưa
chấm dứt, một vị học Tăng phía
sau phòng giám đốc bưng đến một
khay bốn tách nước mời chúng
tôi giải lao vì sợ đi đường xa, nhìn
bốn tách nước lần lần bốc khói lòng
tôi cảm thấy mùi đạo vị càng sâu
đậm thêm, sâu đậm ở chỗ là nước
trắng nhưng tình nồng, Đại Đức
Phước Hào mời: «Mời quý Thượng
Tọa và Đại đức chủ nhiệm báo AN
LẠC dùng tạm ly nước trong,
ở đây ít dùng trà». Tôi bưng khay

nước mời ba vị Thượng tọa và phần
tôi một ly, tôi uống thấy ngon lạ
thường, ngon ở chỗ thẩm thấu cái
cảnh nghèo nàn của Phật học đường
mà thời ấu thơ những ại đã bước
đời tu sĩ đều hiểu, hiểu ở chỗ phải
đề dành tiền mà mua nước tương
ăn cho đủ bữa, thay vì mua trà uống

Trời bên ngoài bốt gay gắt Đợi
đức Phước Hảo mời chúng tôi viếng
quang cảnh của Phật học đường
rời phòng giám đốc. Kề ra nói phòng,
giám đốc cho oai, chứ thật là một
chòi tranh không hơn không kém
lọt lòng độ 6 mét vuông trên lợp
bằng lá dừa nước, vách bằng phen
gỗ, cửa bằng vật tre.

Tuy thế song không kém mùi thiền
vị, trên đường viếng Thánh cảnh, đầu
tiên chúng tôi đến chiêm bái ngôi mộ
của sư cụ Khánh Anh, vị pháp chủ
của giáo hội Phật giáo Việt Nam
đã dày công chấn hưng Phật pháp
trong đời hiện tại. Rời ngôi mộ lịch
sử chúng tôi đi thẳng ra lò thiêu,
đi dọc đường gặp một vị Trung úy

và một vị cựu thiếu tá đi ngược
chiều, chúng tôi, rừ 2 vị quay trở lại
Như vậy là trên đường đi
có bảy người (tượng trưng
thất bồ đề phận) sau đó có một
vị học Tăng đồng tháp tùng
như vậy là tám vị vừa
đến lò [thiêu] Thượng tọa
Trí Thành, mở nắp cửa lò thiêu,
đôi mắt tôi bỗng chớp chớp mấy
cái, không dám nhìn vào trong lò,
tôi bỏ tránh lảng ra phía sau, vì
lúc ấy hình ảnh Hòa Thượng
Bồn sư đang sống lại trước
mắt tôi, cảnh tượng ba năm về
trước, cũng lò thiêu này, với quả
tím bắt diệt và hình ảnh thầy tôi, Ôi
không dám nghĩ thêm nữa, tôi bước
nhanh ra phía hồ nước nhìn xuống
mặt hồ để tâm hồn hòa theo ngoại
cảnh mà bốt liên tưởng ở nội tâm
cảnh xa xưa và cảnh hiện tại, hiện
tại có người đã quên nhưng tại sao
tôi nhớ làm chi, chắt đề người khác
được sống. biết có ai còn nhớ như
tôi hay không? Hay chỉ vì một

mình tôi vì tôi là người đầu tiên đã chịu thiệt thòi nhiều nhất, tôi không đau đớn, vì tôi đã đọc câu hy sinh cho tất cả, nhưng mỗi khi trước mặt tôi có ai diễn cảnh phản lại đạo pháp, nhất là giai đoạn hiện tại, người ta đã quên hình ảnh năm xưa là khiến cho lòng tôi càng đau khổ thêm, thấy ra đi để tôi ở lại giữa cõi đời giả dối mà trong lúc ấy tôi chưa đủ cánh đủ lông để tung bay. nên tôi chỉ ngâm hai câu thơ của Đại đức Chơn Điền.

«Thầy đi để lại bàn thờ

Trái tim bắt diệt lá cờ rừ tang»

Và... Nhưng hôm nay tôi không thể nghĩ và ngâm hai câu thơ ấy nữa.

Tôi nghĩ gì đây nghĩ xa và xa hơn nữa. Còn đang quán tưởng thì Thượng tọa Phước Trí gọi trở gót sực tỉnh quay người về thực tại nhìn thấy chỉ có lò thiêu gạch sỏi và đọc hai bên đường mồ mã của bần đạo mới cũ, xây đắp tồ sơn

đủ kiêu, nhưng chung qui cũng là một nắm cỏ khâu xanh rì. Trên đường về Phật học đường song hành với Đại Đức Phước Hào, tình thiết cởi mở và đã thừa hiểu cảnh của Phật học đường hầu hết nên tôi hỏi: «Thưa đại đức ở đây có đủ nước tương ăn không? hay phải đem muối nấu với đường» Hình như thông cảm nhau Đại đức Phước Hào nhìn tôi với tia mắt triu mến, đại đức trả lời rất nhỏ chỉ vừa đủ tôi nghe, kinh tế tự túc, không có một nguồn lợi gì khác, bần đạo xa đường, với hai trăm ba lăm vị Tăng chúng của sáu lớp. Đến đó hình như khó nói để đáp câu hỏi của tôi nên đại đức Phước Hào cũng tạm chấm dứt. Tôi nghẹn ngào âm thầm đi gần trăm thước nữa tôi mới thốt nên lời. Không biết những bậc đã từng xưng là Phật tử thuần thành và hữu hăng tâm hữ, hăng sản họ có nghĩ đến nhất là trong đời mạng phỉ biết có ai là A-Dục Vương hay Cáo cổ độc Tái thế hay không? Chứ thật

tình trạng này kéo dài thì khó tìm được tăng tài, vì đã quên mình cho mọi người, ép mình nơi tu viện, Phật học đường đề ngày mai giúp đời mà tối thiếu nước tương cũng vắng thì làm sao đạt được đích đề đủ cung cho cầu. Đại đức ơi, (nói với đại đức PH) chùa Quan thế Âm là nơi di tích cổ hòa thượng Quảng Đức nằm giữa rốn đô thị, đệ tử đủ thành phần, trong ấy rất nhiều vị hiện là bác sĩ kỹ sư, tỉnh trưởng, ty trưởng cựu bộ trưởng và thương gia, đại thương gia, thế mà tháng trước đây tôi phải đi đánh lễ các nơi khác đề gởi bót Tăng chúng gởi ở tịnh xá trung-tâm một vị, tịnh xá Ngọc-Liên một vị, và rồi đây sẽ còn gởi nữa với con số ba mươi vị, mỗi ngày tiền chợ ba trăm đồng, với thời giá đất đỏ 5đ một bó rau muống. Tối thiếu mỗi tháng chín ngàn đồng tiền chợ, gạo củi chín ngàn nữa, bắt thường chi chín ngàn nữa, và tiền sách vở tiền trường chín ngàn nữa, Tứ cửu ta m lục, Dĩ chí ba mươi sáu ngàn (tiền chi) tiền thu, bần đạo cúng dường

hàng tháng cho chư tăng 2000đ tiền thùng phước sương 1000đ Tiền cúng đề đĩa bạch đại đức 3000đ Tổng cộng 6000đ còn ba chục tìm đầu. Thưa đại đức. Thế mà nghĩ việc tự túc cho chùa, thì có người bảo ông thầy chuyên môn làm tiền, còn nếu sơ dư luận ngồi chờ đợi bần đạo cúng thì mỗi bữa muối ớt, thầy trò nghe răng hít hà qua năm tháng thỉnh thoảng lại còn bị mấy bà kẻ lẽ rằng : cúng cho ăn mà không biết mang ơn — và vân vân.

Tôi nhất quyết nghiên cứu một chương trình cách mạng những điều vừa kể. Mở đầu tôi ra tờ bán nguyệt san để làm tiếng nói cùng phương tiện, sau đó một vài năm sẽ thực sự bước và chương trình cả hai Tu học và độ đời. Vì đường xa sợ tối nên câu chuyện đến đây tạm chấm dứt, sau ly nước tiền đưa. Tôi bước lên xe tuy tôi không quý nhưng tâm tôi đã lay Phật học đường Huệ Nghiêm ba lay. Lay không phải ở điềm kính mến tôn sùng, nhưng

tôi nè và khâm phục vì đã ba lần viếng Phật học đường Huệ Nghiêm lần này hơn hai tiếng đồng hồ song tuyệt nhiên tôi không trông thấy một tà áo nữ sặc sỡ tung bay ở chốn Phật học đường. Ôi quý hóa thay và cao cả thay hai trăm ba mươi lăm tâm hồn đại trượng phu chỉ biết lo tu giữa thời mạt pháp.



Hôm nay tôi nguyện thức trắng đêm nếu không viết xong loạt bài đề ngày mai lên khuôn cho An Lạc số sáu, tôi biết viết nài bày cũng có vài người phỉ báng chúng tôi, là tu hành mà còn nói chuyện tiền bạc ăn uống như thế gian. Nhưng tôi lại tự nhủ rằng : tiền bạc ăn uống đề mà sống, sống đề giúp đời chứ không phải ăn đề vĩnh thân phì da như một vài kẻ. Đức Phật cũng từng dạy : « Khổ hạnh lắm là ngoại đạo, sung túc lắm là thế gian », làm sao đừng ngoại đạo đừng thế gian mới là tu sĩ Phật giáo. Nghĩ thế nên mạnh dạng viết bài này. Và

trước khi đặt bút viết bài này tôi lấy làm hồ thẹn lương tâm, vì chùa có 30 vị tăng chúng, trong chùa lại có một tờ báo mỗi kỳ ra hai mươi ngàn số bán hết mà phải đi đánh lễ gởi Tăng chúng nơi khác, Phật học đường Huệ Nghiêm, cơ sở tuy tức không có, mà sĩ số lên hơn tám lần. Nghĩ đến đây tôi lấy làm đau khổ quá đến trước bàn thờ Hòa thượng Bồn sư (Bồ tát Quảng Đức) đốt ba cây hương nguyện tờ nay xin làm một hộ trì viên cho Phật học đường Huệ Nghiêm và các Phật đường nào được nếp sống như Phật học đường Huệ Nghiêm

Với tâm thành tha thiết, nhưng Tăng vô nhất vật, mà bên cạnh lại một gánh phải lo. Nên phương cách là mỗi tháng nguyện dành một số tiền lời của tạp chí An Lạc cúng dường vào việc đào tạo Tăng tài giúp ích cho chúng sanh dân tộc và nguyện đề một trang đăng tên những vị có tấm lòng vàng hoặc A

Dục Vương, Tái thế biết nghĩ thường đạo pháp hiện tại tương lai mà dâng cúng đường nuôi Tăng ở các tu viện.

Ngoài nhiệm vụ là một quản nhiệm một viện chủ của một tu viện tôi xin nguyện xung phong thêm nhiệm vụ, chở nước tương muối cải, gạo, rau chuyễn tất cả chiểu mền, của Phật Tử các nơi gởi cúng đường cho Phật học viện. Hy vọng tháng sau các Phật học viện và nhất là Phật học đường Huệ Nghiêm không còn ăn nước tương pha muối nữa

Người viết bài này thăm nghĩ, nếu cứ đều đều mỗi nơi đều lưu ý đến giới Tăng sinh, đều chú tâm việc mở Phật học đường thì trong khoảng mười năm biết bao nhiêu là Tăng tài và Phật giáo còn lo gì việc thiếu cán bộ. Chỉ có mười vị đại biểu đại diện Tổng đoàn thanh niên Tăng ni, mà đã làm rúng động hội trường hưởng chi vài chục ngàn vì Tăng sinh thì độc tài, lưu manh làm sao sống nổi. Cũng nên nhắc lại

lời thánh Vinékananda « Nhân sự rất cần, có người là có tất cả.»

Trở về thực tại xin kêu gọi các giới Phậttử và các bậc A-Dục-Vương xin nhớ rằng : Có chư Tăng đức hạnh đủ tài năng là đạo Phật thịnh hưng cả phần lượng và chất.

In kinh nhiều không người tụng đức chuông lớn không có người khua cật chùa to thiếu người quản thủ thì hỏi có gọi là Phật giáo thịnh hưng được hay không ? Nếu đáp được thì chỉ đáp là thịnh hưng cái vỏ còn bên trong ruột rỗng tuếch.

Bao năm qua và nhất là ba năm nay đa số quý Phật tử đã lơ là vì vậy nên cái vỏ có ngày sẽ tung bề. Cũng cán bộ đào tạo Tăng tài ấy là trực tiếp đấu tranh với Ma vương và tà bạo. Thực lực đầy đủ biến núi thành sông, thực lực con không, chỉ dèm quanh và nói dóc Chờ đợi và chờ đợi mọi nước

Trước khi chấm dứt loạt bài này
âm thầm đề đầu dành lễ Thượng
tọa Thiện Hòa, Thượng tọa Thiện
Hoa, Chư Thượng tọa. Trong ban
giám đốc Phật học đường Huệ
Nghiêm và toàn thể chư Tăng cũng
như cư sĩ đã nghĩ đến giới Tăng
sinh, nghĩ đến đạo pháp mà thành
lập Phật học đường Huệ Nghiêm

và nhiều Phật học đường khác mặc
dù đã gặp bao trở ngại và cũng
xin hỏi hưởng phước quả cao
thượng về với tất cả chúng sanh
đều trọn thành Phật đạo

*Phật lịch 2510 hồi 5 giờ sáng tại
Quán Thế Âm Tự ngày 13-9 Bình Ngô*

Tu - sĩ
THÔNG-BỬU

Vô bệnh là điều rất lợi
Biết đủ là kẻ rất giàu
Thành tín là nơi chí thân
Niết bàn là vui tối thượng

204 Kinh pháp cú

Thần Tượng

(khóc ngài Quảng Đức)

kính dâng về đại hội Phật giáo 21-10-66

Hôm nay con khóc Người

Nước nở lệ đầy vơi

Con nghẹn ngào thôn thức,

... lửa thiêng ai dập tắt!

Xưa dựng lửa Từ Bi,

Ngài diệt Tham, Sân, Si...

Phá tan bao vọng chấp;

Soi tỏ đạo vô vi.

Lửa Ngài là hào quang,

Chiếu tỏa khắp thế gian.

Sáng ba ngàn thế giới,

quỷ, ma thấy qui hàng.

Dân tộc Việt vinh quang,

Đạo pháp rực huy hoàng.

Khắp năm châu, bốn biển,
Lửa Ngài—ôi lòng vang !

Nhưng chúng sinh mê muội
Tham dục... vẫn nòng nân.
Đâu riêng kẻ phạm tục...
Có người dối thể gian !!!

Xây dựng trên lửa Ngài,
Hiện tại và tương lai.
Bao lâu dài danh vọng
Tốt đĩnh nhất trần ai !!!

Lửa uy dưng vô biên,
Họ đòi lấy tình duyên.
Đòi dân tộc đạo pháp
Lấy danh lợi, bạc tiền...

Lửa thiêng nay về đâu ?
Tuyết sương đã dãi dầu,
Tàn lụi theo năm tháng,
Dân tộc chịu thương đau.

Lệ tràn lên khóe mắt,
Đăm đìa, lã chã rơi.
Lạy Ngài ! Con đã khóc,
Một thần tượng muôn đời...

P.H.

**Nhật
thiệt
duy
tâm...**

Cái Tâm vạn pháp dẫn đầu
Thành Phật cũng nó đọa trâu cũng mày !

Tạo nên lăm chuyện tốt, hay
Rồi cũng tự nó biến xoay luân-hồi

Vi «tâm» nhân loại nổi trôi
Sắc, tài, danh, lợi phá đời hại thân

Tịnh «Tâm» quán tưởng xa gần
Lợi đời, hưng Đạo tinh cần nghe tâm

T. MINH TRI

Mái
Chùa
Hòn
Dân
Tộc



Tạp chí An-Lạc đang sưu khảo sự tích và hình ảnh của các ngôi chùa tại V.N. được nhiều màu sắc dân tộc. Trong khi chờ đợi tài liệu các nơi gửi về cho đầy đủ, chúng tôi xin mời toàn thể Phật tử và những người bạn của Phật tử V.N. hãy cùng quý Thượng Tọa: Thích Minh-Châu, Thích Huyền-Vi, Thích Thiện-Châu và Pasadika đi chiêm bái các Phật tích để được hiểu qua hồn dân tộc Ấn-Độ, ẩn trong chùa.

A.L.

VƯƠNG XÁ
(Rajgir)

T.T. MINH-CHÂU • THIỆN-CHÂU
HUYỀN-VI • PASADIKA

SUỐI NƯỚC NÓNG (tiếp theo số 2)

N GÀI Huyền Trang chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng vào năm 637, viết rằng về phía đông cây Bồ đề, có một tháp cao chừng 52 thước nền tháp độ 20 thước vuông, tường bằng gạch xanh, trét vôi chu nam các khám tượng của mỗi tầng đến tháp vàng. Bốn mặt tầng đều đầy những tượng khắc rất đẹp; chỗ này là hình ảnh những chỗi ngọc dài, chỗ kia những vị tiên. Ngọn tháp là một trái Amlak bằng đồng thếp vàng. Mặt phía đông, có một tòa lầu 3 tầng và các mái hiên, cột trụ và cột nhà cùng cửa lớn và cửa sổ đều được trang hoàng với những ảnh tượng bằng vàng hay bạc, với ngọc ngà dính vào tượng và các kẻ hở. Những phòng âm u và những hành lang bí mật đều có cửa mở vào trong những tầng lầu. Về phía mặt và phía trái, đều có tượng Đức Bồ Tát Quan Thế Âm và Đức Bồ Tát Di Lặc. Những tượng này đều bằng bạc và cao độ 3 thước tây. Tại chỗ tháp hiện tại

Vua A Dục ban đầu có lập một ngôi chùa nhỏ, về sau có người Bà La Môn lập lại một ngôi chùa khác to rộng hơn nhiều. (Beal')
-hiuen-Tsiang- Tập II trang 118, 119s

Theo ông Alexander Cunningham, ham, ngọn tháp mà ngài Huyền Trang miêu tả chính là ngọn tháp hiện tại, không còn nghi ngờ gì nữa đâu có sửa chữa và thay đổi. (Cunningham's MahaBodhi trang 18

Đầu chúng ta không tìm thấy một lịch sử liên tục về Bồ-Đề Đạo-tràng trong thời cổ nhưng những tài liệu tìm được cũng chứng tỏ ngôi tháp đó là của Phật tử xây dựng, cho đến khi giặc Hồi đến chiếm cứ vào khoảng thế kỷ thứ 19 sau T.L. Và tất cả những sự sửa sang, thay đổi, không những chỉ do Phật tử Ấn-Độ đảm nhận, Mà Phật tử Tích-Lan, Miến-Điện và các nước khác cũng có phần dự. Như vậy; Bồ-đề Đạo-tràng không phải là của riêng một tôn phái nào mà chính là Thánh tích công cộng của Phật-tử thế giới,

Theo lịch sử, Tích-Lan có liên quan với Bồ-đề Đạo-tràng từ khi vua A-Dục cử Đại-Đức Sanghamitta qua Tích-Lan với một nhánh Bồ-đề là vua Meghavane có lập một ngôi chùa tại Bồ-đề Đạo-tràng vào năm 330 và các vị tu hành Tích-Lan và khách lập phương đến chiêm bái. Vào khoảng 1079 Phật tử Miến-Điện sửa sang lại cả ngôi tháp và dãy tường bao bọc chung quanh. Tỳ-kheo tên Dhammarakkhita và năm 1100 ; 1200 có trùng tu lại và phí tiền của vua Asekamala, Vua xứ Sāpada-iksha chịu. Đến năm 1298 Phật tử Miến-Điện lại trùng tu chỗ ấy một lần nữa.

Một bia ký đề năm 1202 được tìm thấy tại làng được dành riêng để tu Bồ và cúng lễ Kim-Cang tòa chùa Bồ-đề Đạo-tràng và làng ấy do Tỳ-kheo Mangalawami người Tích-Lan quản lý.

Những tài liệu trên chứng tỏ ít nhất cho đến thế kỷ thứ 12 sau Tây lịch, Bồ-đề Đạo-tràng còn thuộc về

Phật tử Tích-Lan hoặc Phật tử Ấn-Độ, và chỉ quân Hồi-Hồi đến chiếm cứ, Bồ-đề Đạo-tràng mới bị bỏ hoang, không một người chăm sóc cho đến khi ông Mahant đến tại chỗ này.

Vào khoảng 1590 một vị tu hành người Ấn tên Gosinghamandir đến tại là Buddhagaya. Vì mến cảnh thanh tịnh ông đã quyết định chọn chỗ ấy làm nơi trú ẩn lâu dài. Ông dựng một ngôi đền nhỏ gần nơi tháp chính và tự hợp được một số đệ tử. Theo thời gian, ngôi đền ấy càng được hưng thịnh, trải qua một vài trăm năm trở thành Math (đền nhỏ). Ông Mahant hiện tại là người kế vị thứ 13 từ ông Ghanandi Gir. Chính trong đời ông Mahant được mở rộng thêm ra. Làng Mittipr, taradih đều được vua Hồi Giáo ở Delhi cho ông ta. Nhưng nên đề ý rằng không gì làm chứng là ông Mahant có quyền sở hữu về ngôi tháp, vì khi ấy ngôi tháp bị bề nát, không ai sửa chữa lại.

Đến năm 1811, quốc vương Miến-Điện đến chiêm bái và sau

vua Ava cử hai đại diện đến tìm lại Bồ Đề Đạo Tràng cùng các Thánh tích kế cận, nhờ các kinh sách Phật giáo.

Bác sĩ Buchannan Hamilton, nhà khảo cổ trú danh đến thăm Buddhagaya vào năm 1812. Ông thấy ngôi tháp chính hoàn toàn hoang phế và rõ ràng ông Mahant không để ý gì đến tháp Maha Bodhi

Đến năm 1833, vị Đại sứ Miến Điện tên là Mehgy Maha Chesu cùng với tùy tùng đến thăm Bồ-đề Đạo Tràng. Ông tìm thấy một bản khắc tiếng Pali bằng chữ Diển Điện tại chỗ ấy. Sau đây là bản dịch : « Đây là một trong số 84.000 ngôi tháp do vua A Dục, vua cõi Diêm Phù Đề dựng lên để kỷ niệm nơi ngài thành đạo sau khi đã dùng sữa và mật ong, vào khoảng 218 sau khi ngài nhập niết bàn (326 trước Tây lịch) ». Theo thời gian ngôi tháp đã bị đổ nát và được một vị tu sĩ tên là Nai-kamahanta trùng tu, rồi bị đổ nát, rồi lại được vua Sado-

mang trùng tu. Sau một thời gian cũng lại đổ nát cho đến khi vua Pewpyu Sakhcetaramangyi cử vị sư phụ của mình tên là Dhammarajaguna quản đốc công việc tu bổ ngôi tháp ấy. Vị này cùng với đệ tử là Kasyapa bắt đầu trùng tu ngôi tháp, nhưng không hoàn thành đầu được nhà vua giúp đỡ rất nhiều. Về sau Đại Đức Varasi Naik yêu cầu vua đứng lên tự quản đốc. Vua bằng lòng và cử Thái tử Pyusa Kheng và vị Bộ Trưởng tên Ratha đến trùng tu. Như vậy, ngôi tháp được sửa chữa lần thứ 4, và đến ngày thứ sáu, tháng 10 lịch Pyadela năm thứ 667 đời vua Sakharaja (1306 sau tây lịch) thì hoàn thành Lễ khánh thành cử hành rất long trọng, trong lễ có cúng dường thức ăn, hương đèn, danh mộc, Kalpa Virikha và người nghèo khổ cũng được bố thí như con vua vậy. Như vậy lễ khánh thành được cử hành với nhiều công tác từ thiện. Công đức ấy là những phần

thường vĩnh viễn cho những vị
trùng tu. Họ sẽ được sống trong
đanh vọng an hưởng Niết bàn tịnh
lạc và trở thành A-La-Hán trong
đời đức Phật vị lai, đức Di-Lặc.

Đến năm 1874, một vua Miến
Điện cử một phái đoàn đến yết kiến
chính phủ An với nhiều tặng vật quý
giá cho cây Bồ-đề và yêu cầu chính
phủ giúp đỡ cho những vị Đại biểu
thay mặt chiêm bái Thánh tích này.
Vua cũng nêu rõ ý muốn sửa sang lại
chung quanh cây Bồ-đề và cử đại
biểu ở luôn gần cây ấy. Vua Miến
Điện cũng mong mỗi năm, một hay
hai lần, dân chúng Miến-Điện được
phép đến cúng dường cây Bồ-đề.
Lời yêu cầu của vua Miến-Điện được
gởi đến ông Mahant và ông này
chấp thuận. Liên sau đó, các đại
biểu đến chiêm bái và tường thuật
cho vua Miến-Điện, Giá tiền và bảo
vật bằng vàng, bạc trị giá đến
60.000 Rs (đồng 600.00 V.N.). Vua
Miến-Điện bảo ông Mahant phải
dựng một ngôi tháp Paribhoga để

cất các vật châu báu ấy, do vậy
chịu phí tổn, nhưng ông Mahant
lại làm của riêng.

Sau khi phái đoàn về đến Miến
Điện, bộ Ngoại giao Miến cho ông
Toàn-Quyền vào ngày 18 tháng 8
năm 1875 yêu cầu được phép sửa
sang chung quanh cây Bồ-đề, trùng tu
ngôi tháp do vua A-Đục lập nên
xây bức tường để đỡ một nhánh
Bồ-đề, phía tay mặt, sửa tất cả những
đền đài đổ nát trong phạm vi cây
Bồ-đề, lập gần cây Bồ-đề một ngôi
chùa có thể trú được độ 20 vị tu
hành, đề hành lễ như thấp đền,
cúng dường hoa và nước, xây một
bức tường bao chung quanh chùa
ấy, thuê người ở tại chỗ để giữ
gìn và cung cấp vật dụng cho chùa
lập một tháp Paribhoga để cất những
vật do vua cúng dường, ông Mahant
thỏa thuận đề công việc trùng tu
được tiến hành và vua Miến-Điện
đã chi phí một số tiền khá lớn trong
việc này, Nhưng công việc tiến hành
không được một cách khả quan. Sau

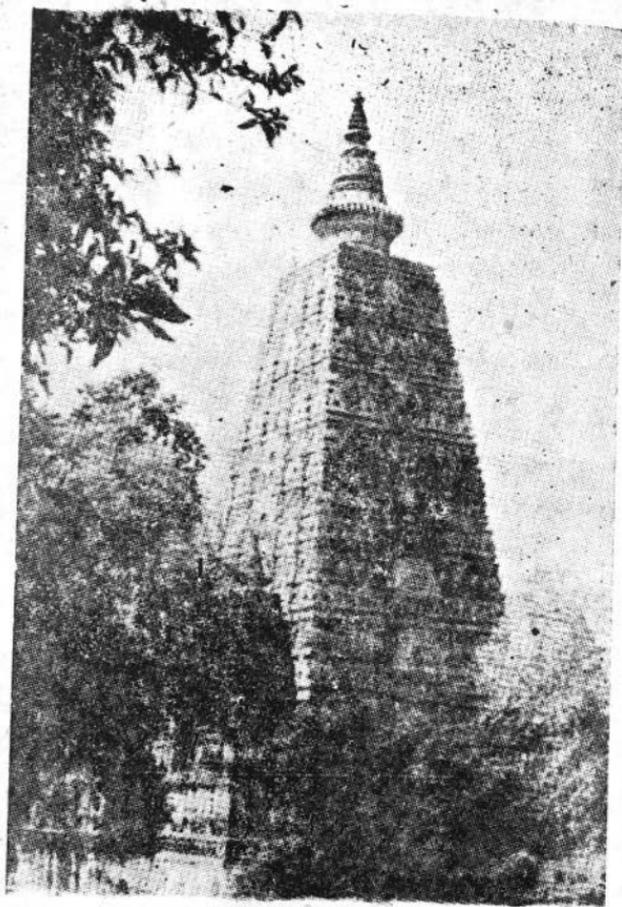
chánh phủ Ấn phải cử ông Alexander Cunningham và Bác sĩ Rajendra-lal Mitra quản đốc việc tu bổ. Trong khi ấy, chiến tranh giữa nước Anh và Miến Điện bùng nổ. Do đó, việc trùng tu ngôi tháp đáng kỷ dưới quyền quản đốc của Đại biểu vua Miến Điện, lại đặt dưới quyền của ông Mahant và chánh phủ Ấn.

Chánh phủ tiếp tục sửa chữa ngôi tháp chi phí đến 100.000 Rs (độ 1.500.000 VN) Tất cả được sửa chữa xong, chánh phủ cử ông Madder Quản đốc, một tháng phải đến thăm một lần, để xem những gì cần sửa chữa và giữ không cho lấy cắp các tượng và đá.

Về sau sở công chánh Ấn Độ giữ quyền quản đốc. Điều rất lạ là sở Bác Cờ lại không hề quan tâm đến ngôi tháp tại Bồ Đề Đạo Tràng.

Ý kiến giao lại ngôi tháp cho Phật tử trông nom được một thi sĩ trú danh, ông Sir Edwin Arnold tác giả tập « ánh sáng Đông phương »

đề nghị. Ông đến thăm ngôi tháp trong khi trùng tu, và viết một lá đơn thống thiết yêu cầu hai chánh phủ Anh và Ấn giao trả ngôi tháp này cho Phật tử. Ông cũng viết thư cho các nước Phật giáo yêu cầu đề tâm đến vấn đề này. Lời kêu gọi của ông không được một ai hưởng ứng, cho đến khi ngài Anagarika Dharmapala tự đứng lên đảm nhận trọng trách ấy vào năm 1891. Thật là một ngày lịch sử khi ngài Dharmapala đến tại Bồ Đề Đạo tràng và dành lễ cây Bồ Đề tôn quý, vào ngày 21-1-1891. Ngài Dharmapala chép trong nhật ký như sau : « Tôi đến viếng ông Durga Babu và Bác sĩ Chetteijeê tại Budhagaya nơi tôn quý nhất của Phật tử. Sau khi đi độ 6 dặm Anh, chúng tôi đến tại Thánh tích. Trong khoảng một dặm anh chúng tôi có thể thấy những tượng của Đức Từ Phụ chúng ta lăn lóc chỗ này chỗ kia Tại ngôi chùa ông Mahant hai bên của có những tượng đức Thế Tôn



đang thiền định hay đang thuyết pháp. Ôi! tôn nghiêm làm sao ngôi tháp quý báu này! Đức Thế tôn ngồi trên Pháp tòa và sự tôn nghiêm tỏa khắp làm cho đệ tử chí thành

phát khóc. Ôi! sung sướng biết bao! Khi vầng trán của tôi chạm đến kim cang tòa một ý niệm phát ra rồi đánh mạnh vào tâm trí tôi Ý niệm ấy bảo tôi dừng lại đây

và gìn giữ thánh tích tôn nghiêm này, tôn nghiêm đến nỗi không gì trên đời có thể sánh bằng, vì đây là chỗ dưới gốc Bồ Đề Thái tử Tất Đạt Đa đã giác ngộ. Tôi lượm một vài ngọn lá và một ngọn cỏ hình dáng rất đặc biệt. Khi một ý niệm đột nhiên đến với tôi, tôi hỏi một tu sĩ người Nhật tên Kezen có bằng lòng ở lại đây với chúng tôi không. Vị này hoan hỷ bằng lòng và hơn thế nữa, vị này cũng nghĩ như tôi. Cả hai chúng tôi thể một cách trịnh trọng quyết ở lại đây cho đến khi một vài tu sĩ đến và quản đốc thánh tích này » (ngày 2-1-1891)

Sau khi đi chiêm bái về đến Tích Lan, ngài Dharmapala tổ chức một cuộc họp công cộng do ngài Sumangala làm chủ tọa vào ngày 31-6-1891. Trong buổi họp này hội Ma ha Bồ Đề được chánh thức thành lập với mục đích lấy lại Bồ Đề Đạo Tràng và truyền bá Chánh Pháp tại Ấn Độ. Đại Đức Sumangala

được cử làm chánh Hội trưởng và ngài Dharmapala làm chánh thư ký.

Đến tháng 7 năm 1891, ngài đến lại Bồ-đề Đạo-tràng với 4 vị tu hành và đề 4 vị này ở lại. Ông Hemmarkyan Gir, vị Mahant lúc bấy giờ có cảm tình với công việc của ngài Dharmapala và cầu chúc công việc sớm thành tựu. Về sau, vị này miễn cưỡng cho phép tạm trưng dụng một mẫu đất nhỏ để dựng một nhà tạm trú cho những Phật tử chiêm bái. Không may vị Mahant từ trần và ông Krishna Dalal Gir lên thế vào ngày 4-2-1892. Khi vị này lên chức Mahant, các nỗi khó khăn bắt đầu xảy ra. Vì vị này không có cảm tình với công việc của ngài Dharmapala, và đã trở thành một địch thủ

Sau khi dự hội nghị tôn giáo ở Chicago về, vào năm 1893, Đại Đức Dharmapala đem từ Nhật Bản về một ngôi tượng Phật rất đẹp. Tượng này, các Phật tử Nhật-Bản muốn đem thờ tại tầng lầu trên ngôi tháp ở Bồ-đề Đạo-tràng. Ngày

25-2-1895, ngài Dharmaapala thân hành thỉnh bức tượng ấy lên trên lầu. Sau khi an vị tôn tượng xong, ngài đành lễ và quán tưởng. Liên khi ấy, những người của ông Mahant đến quăng bức tượng ấy xuống. Một số người cùng đi với ngài Dharmapala đang lễ Phật cũng bị đánh đập. Một người bị thương khá nặng, Do cuộc hành hung này mà xảy ra một vụ kiện giữa ngài Dharmapala và ông Mahant. Và tòa án Đệ nhất và đệ nhị cấp, ngài Dharmapala thắng kiện nhưng đến tòa thượng thẩm thì ông Mahant lại thắng. Ở đây cũng cần đề ý rằng các quan tòa đều biết ngôi tháp ấy hoàn toàn thuộc về Phật tử. Nhưng vụ kiện này thuộc về hình, nên không bàn đến ngôi tháp thuộc sở hữu về ai. Một quan tòa trong khi biện luận ở tòa đã nói: a) Ngôi tháp ấy thường xuyên và tiếp tục được các Phật tử đến chiêm bái và đến hành lễ. c

B) Không có một hình thức lễ

bái nào của Ấn Độ giáo được cử hành trong ngôi tháp ấy, và không có gì để chứng tỏ những lễ nghi Ấn Độ giáo có cử hành tại đó trải qua nhiều thế kỷ, từ đời vua Samkara. Chỉ từ tháng 7 năm ngoái, mới có sự cố gắng hành lễ theo nghi thức Ấn Độ giáo trước hình ảnh đức Phật đặt tại khám thờ ở tầng dưới, Nhưng cuộc hành lễ này rõ ràng là của ông Mahant và các đệ tử của ông ta xui dục. Bắt đầu từ đó, như người quản đốc ngôi tháp đã khai, một vị tu sĩ Bà-La-Môn được dùng để thắp đèn trước bức tượng đánh chuông, lau ngôi tượng và chõ thờ tự; đánh dấu Tilak trên trán, đeo một chiếc áo trên mình tượng trưng và trang điểm bông hoa trên danh.

Vị quản đốc là một người Bà la Môn thuộc giai cấp cao nhất, khai rằng những nghi lễ ấy chưa thật phải nghi lễ Ấn Độ giáo. Nên đề ý rằng đầu những nghi lễ này được cử hành nhưng ông Mahant hay đệ tử của ông ta không có một

ai đến hành lễ trong tháp ấy. Tất cả nghi lễ Ấn độ giáo chỉ bắt đầu từ năm ngoái, sau khi ngài Dharmapala đặt tượng Phật Nhật Bồn ở tầng lầu trên của ngôi tháp, và sau khi thăm sát các sự kiện, chúng ta không còn nghi ngờ gì nữa mà không quyết đoán rằng: Những nghi lễ Ấn độ Giáo được cử hành ở đây chỉ là một âm mưu để ông Mahant có quyền xen dự vào những hành động của hàng Phật tử đối với ngôi tháp, và để tăng cường quyền sở hữu của ông ấy để hưởng những đồ vật cúng dường tại đó. Vị quan tòa Thượng thẩm ở Calcutta, sau khi nghe lời khai, có tuyên bố: « Chúng ta có thể công nhận rằng tháp Ma Ha Bồ Đề là một ngôi tháp cổ kính rất tôn kính đối với Phật Tử. Nó chính là ngôi tháp Phật. Và đầu ngôi tháp thuộc sở hữu của các ông Mahant, ngôi tháp ấy cũng chưa biến thành một đền Ấn Độ giáo, nghĩa là có những tượng thần Ấn Độ giáo trong ấy và

nghi lễ Ấn Độ giáo chánh tôn được cử hành tại chỗ ấy, từ trước đến nay các Phật tử chiêm bái đều có quyền tự do đến thăm và lễ bái ».

Đầu ngài Dharmapala thua kiện, nhưng sự thua kiện đó đã làm cho Phật tử thế giới hiểu rõ được tình trạng nguy khốn của Bồ Đề Đạo Tràng, nơi tôn quý nhất của Phật tử. Bản án được đăng trên tất cả báo chí và văn đề Bồ Đề Đạo Tràng trở thành một vấn đề được bàn tán ráo riết khắp Ấn Độ, Miến Điện và các nước khác. Ngài Dharmapala không có đủ tiền để đưa vấn đề này lên cơ mật viện (Private Council)

Đến năm 1902 một vị tu sĩ Nhật Bồn tên Okakura đến tại Bồ Đề Đạo Tràng và bắt đầu giao thiệp với ông Mahant để lập một tu viện Đại thừa độc lập tại đó. Chính phủ Ấn độ sợ có ảnh hưởng chính trị nên công việc không được thành tựu. Dự định của vị sư Nhật đem lại

kết quả tai hại cho công việc của ngài Dharmapala, vì trước đây chính phủ Ấn Độ có cảm tình với công việc của ngài nay sợ khó khăn do Nhật Bản can thiệp gây nên, và trở thành đối lập, chống lại Phật tử. Nhận thấy chính phủ Ấn đã thay đổi thái độ, ông Mahant mạnh dạn làm đơn kiện ngài Dharmapala vào năm 1906 đề trục xuất ngài ra khỏi phỉp xá Miến Điện mà từ trước đến nay ngài được yên ổn. Ông Mahant lại được kiện một lần nữa và như vậy các Phật tử bị trục xuất hẳn ra khỏi Bồ Đề Đạo Tràng nơi tôn quý nhất của họ.

Ngài Dharmapala tuy bị thất bại nhưng không thối chí ngài, liền lấy báo chí làm phương tiện tuyên truyền đề kêu gọi công chúng can thiệp vì thế vậy những người trí thức án thành công việc của ngài Dharmapala và hết sức giúp đỡ cho Phật-tử lấy lại Bồ-đề Đạo-tràng.

Vấn đề Bồ-đề Đạo-tràng được

đem ra bàn cãi tại Đại-hội quốc gia Ấn Độ (Indian National Congress) họp tại Gaya, Bolgeon, Conconada và các chỗ khác, vấn đề cũng được đem ra thảo luận tại hội nghị Hindumaha Sabha họp tại Muzaffapur, hội nghị này ngài Dharmapala có đến dự cùng các Phật tử khác. Đảng Quốc-Đại Ấn-Độ của một ban do Bác sĩ Rajendra làm chủ tịch đề xét vấn đề này. Sau khi bàn xé kỹ càng, ban này thảo một bản án rất tinh tường và đề nghị lập một hội đồng gồm các Phật tử và Ấn-Độ-giáo để quản đốc ngôi tháp này. Hội nghị Maha Sabha họp tại Cawpore đề cử một ban khác do ông Bha Paramanand giữ ghế chủ tịch. Ban này cũng nghiên cứu vấn đề ấy rất kỹ lưỡng mà cũng có một đề nghị tương tự như ban trước. Các đề nghị đều không được thực hành vì ông Mahant phản đối.

Sau khi Ấn-Độ được Độc-Lập vấn đề này được đem ra bàn cãi và cuối cùng chính phủ Ấn Độ đứng

ra can thiệp và giao quyền quản đốc ngôi tháp Bồ-đề Đạo-tràng cho một ban gồm 11 người, năm người Phật tử và năm người Ấn-Độ-giáo trong này có ông Mahant và một vị chủ tịch do chánh phủ Ấn đề cử đề quản đốc ngôi tháp. Ông Mahant không có quyền sở hữu gì nữa, chỉ là một hội viên trong ấy thôi. Từ khi Bồ-đề Đạo-tràng được giao lại cho ban ấy quản đốc thì mọi việc tiến hành được thuận tiện cho Phật tử. Không những cử người tu bổ và coi sóc, chính phủ Ấn còn khuyến khích các nước Phật giáo đến lập chùa chung quanh ngôi tháp ấy để tiện cho khách thập phương đến chiêm bái. Hiện có một ngôi

chùa Miến-Điện một Pháp-xá Tây Tạng, một hội quán của Ma-Ha Bồ đề một ngôi chùa Trung-Hoa, tên là Trung-Hoa Đại-Giáo tự ; chính phủ Tích - Lan hiện xây cất xong một ngôi chùa rất lớn và cử nhiều vị sư qua chăm sóc. Tất cả các nước Phật giáo đều đang dự trù cất chùa đề tiêu biểu cho nền Phật giáo của nước mình. Bồ-đề Đạo-tràng trong tương lai rất gần sẽ là trung tâm Phật giáo của quốc tế, Ấy là sự hy vọng của toàn thể Phật tử trên thế giới khi đến chiêm bái tại thánh tích này.

(Còn nữa)

Đàn ruồi

(LES MOUCHES)

Kịch của Jean Paul Sartre

Người dịch : Mạnh Tường

(tiếp theo và hết)

JUPITER

Oreste ! **Ta** đã tác tạo nên con và ta tác tạo tất cả mọi vật, hãy nhìn đi. **TỔNG ĐỀU MỞ TOẠC RA BẦU TRỜI** xuất hiện với tinh tú xoay vần. **Jupiter** hiện trên nền. **Giọng nói của thần âm âm—microphone—nhưng phân biệt rõ ràng**, Hãy nhìn các hành tinh xoay chuyển trong trật tự, không va chạm lẫn nhau và chạm nhau, Chính ta đã điều hành, an bài theo công lý. Hãy nghe khúc nhạc hòa hợp của vạn vật được đặt đề bốn phương trời. (âm nhạc) Bởi ta mà sinh vật mới tồn tại, ta truyền lệnh con người phải sinh ra con người

thú vật sinh ra thú vật, bởi ta mà giòng nước triều lặn lên xuống trong ngày giờ nhất định, ta làm cho cây cối đâm chồi nảy lộc, hơi thở của ta giúp cho đất đai bao phủ phần hoa vàng. Con không ở tự tại nơi con, con lên vào đời như cây gai nhỏ đâm vào da thịt, như tên trộm lén vào khu rừng cấm, bởi thế gian thì tốt lành, ta đã tác tạo ra nó theo ý chí của ta và ta đã điều thánh thiện. Nhưng con gây nên điều ác và sự vật lên tiếng tố giác con vì điều thánh thiện ở khắp nơi, ở trong tủy cây hoa hương mộc, trong chất mắt mẽ của giòng suối nước chảy, trong đất đá núi non, ở ngay trong tận cùng bản chất của

ánh sáng ban ngày, của lửa ban đêm; chính thân thể của con cũng tổ giác con bởi nó được cấu tạo truyền phẫn của ta. Điều thánh thiện vây bọc quanh con, xâm nhập vào con, bẻ nát con, nó cuốn hút luôn con như biển cả mênh mông. Chính nó đã làm nên cái sức mạnh ở cánh tay con, cái cứng rắn ở lưỡi kiếm con. Còn điều tác hại kia, cái ác của trần gian đó mà con tự hào cho mình là kẻ tạo ra, nó là gì nếu chẳng phải là bóng mờ của hiện hữu, một chối Lỗ, một hình ảnh lừa đảo mà lẽ sinh tồn phải chịu điều thánh thiện cầm giữ trong tay Oreste, hãy nhìn lại thân phận con đi, con chỉ là hạt bụi trong vũ trụ, vũ trụ nó tác hại con được. Hãy trở về với thiên nhiên, đưa con chối bỏ thiên nhiên kia, con hãy nhận tội lỗi của mình, hãy ném bỏ nó, ghê tởm nó. Nếu không ta sợ rằng biển cả sẽ cuốn trôi con, giòng suối mát lành sẽ khô cạn trên đường con đi, đất đá núi non sẽ âm âm chặn bước con lại và mặt đất sẽ tan tành dưới chân con.

ORESTE

Thì hãy bảo nó tan tành đi!
Hãy bảo núi non ngăn chặn, cây cối khô héo trên đường tôi đi, Cả vũ trụ của ngài chưa đủ làm hại tôi được. Jupiter, ngài là vua của thần linh vua của đất đá, núi non, của trăng sao biển cả, nhưng ngài không phải là vua của con người. **(Trường đèn đột khép lại, Jupiter hiện ra, vẻ mệt mỏi và còm cõi, giọng trở lại bình thường)**

JUPITER

Ta không phải là vua của người loài sâu bọ ngu dần kia, vậy ai tác, tạo nên người?

ORESTE

Ngài, nhưng ngài không tác tạo nên tự do của tôi.

JUPITER

Ta đã cho con tự do để phụng thờ ta.

ORESTE

Có thể, nhưng nó đã quay ra chống lại ngài và chúng ta chẳng làm gì hơn được.

JUPITER

Rối cuộc, đó là điều thú tội

ORESTE

Tôi không hề thú tội.

JUPITER *

Thực ư? Con có biết rằng cái tự do con nói trong thân phận nô lệ, nó chẳng khác gì lời thú tội.

ORESTE

Tôi chẳng là chủ nhân ông và không phải là nô lệ. Jupiter, tôi là tự do của tôi. Ngay khi ngài vừa tác tạo ra tôi, tôi đã không còn thuộc về ngài nữa.

ELECTRE

Oreste, em van anh, vì linh hồn cha chúng ta anh đừng nhục mạ thần linh.

JUPITER

Hãy nghe nàng. Con đừng hy vọng lời kéo nàng theo những lý lẽ của con: cái ngôn ngữ đó thực cũng lạ tai cho nàng, nhưng cũng thô bỉ vô cùng.

ORESTE

Nó cũng lạ tai đối với tôi, Jupiter. Đối với cả miệng tôi, thốt lên lời đó, với cả lưỡi tôi, rung lên tiếng đó: tôi cũng khó nhọc lắm mới hiểu được mình. Ngày hôm qua ngài còn che mặt trước mắt tôi, nhét vải trong tai tôi. Ngày hôm qua tôi đã như thốt lên lời thú tội: ngài chính là lời thú tội hiện hữu của tôi, bởi ngài đã sinh tôi ra ở đời để phụng sự cho những dự tính của ngài và thế gian là mù già mỗi giờ luôn luôn nói đến ngài bên tôi không ngớt. Rồi ngài rời bỏ tôi.

JUPITER

Rồi ta bỏ con?

ORESTE

Ngày hôm qua, Em Electre và tôi còn bên nhau: tất cả thiên nhiên của ngài còn vây bọc quanh tôi, nó ca ngợi cái thánh thiện của ngài, nó mê hoặc, nó trút không tiếc lời khuyên nhủ. Cái nóng bức chói chan ban ngày, dịu đi như một nụ cười tư vấn, để xúi giục tôi êm đềm lại, bầu trời ngọt lịm đi như

lời van vỉ để chế ép cho tôi quên lòng phản kháng. Tuổi trẻ của tôi, vâng theo lệnh ngài, quệ xuống trước tôi cầu xin như người đàn bà bị phụ rầy: lần cuối cùng đó, tôi thấy tuổi trẻ của mình. Nhưng đột nhiên niềm tự do đọng lại trong tôi, di chuyển tôi, bỏ lại đằng sau thiên nhiên của ngài. Tôi không còn hạg tuổi, giữa cái thế gian bé nhỏ nhu nhược của ngài, tôi cảm thấy mình cơ đơn như kẻ mất bóng: Không còn gì giữa trời đất này, không còn cái ác, điều thiện, không còn ai có thể ra lệnh cho tôi.

JUPITER

Rồi sao? Ta phải khâm phục con chiến ghê bị đàn chiến xa lánh tên phung hủ bị bỏ xó một nơi ư? Hãy hỏi tưởng lại, Oreste, con thuộc vào đàn chiến của ta, con ăn cỏ trong cánh đồng của ta, giữa bầy chiến của ta. Tự do của con chỉ là con ghê lờ làm con ngựa xót, nó chỉ là một thứ lưu đây.

ORESTE

Ngài nói đúng: một thứ lưu đây

JUPITER

Cái ác không sâu đậm, nó mới đến đây thôi. Hãy về với chúng ta. Nhìn coi con cô đơn, ngày em nó cũng bỏ con, Con xanh xao nhợt nhạt, niềm xao xuyên vạch bết mắt con, Con hy vọng sống nữa ư? Cái nỗi ác bắt nhân đó gặm dần mòn con, nó lạc lỏng với thiên nhiên của ta, nó lạc lỏng ngay với chính con. Hãy trở về đi, ta là niềm quên lãng, là nơi nghỉ ngơi của nỗi nhọc nhằn.

ORESTE

Lạc lỏng với cả chính tôi, tôi hiểu. Ngoài thiên nhiên, chống lại thiên nhiên, không hối lỗi, không cần xin gì khác ngoài tôi. Nhưng không bao giờ tôi trở về dưới lệ luật của ngài. Tôi bó buộc chỉ ở dưới của tôi. Không bao giờ tôi trở về với thiên nhiên của ngài. Ngăn con đường vạch ra dẫn đến ngài, nhưng tôi chỉ đi con đường của tôi. Bởi vì tôi là người, hỏi thần Jupiter, và mỗi người phải tự tạo ra con đường cho mình đi. Thiên nhiên có nỗi ghê tởm con người, còn ngài, Thượng đế của các thần linh, ngài cũng có những con người ghê tởm.

JUPITER

Con nói không sai : ta oán ghét chúng khi chúng giống con.

ORESTE

Coi chừng, ngài đã để lộ dấu vết yếu đuối của ngài. Tôi, tôi không oán ghét ngài. Có hiện thân gì của ngài ở tôi đâu ? Chúng ta như hai con tàu, lướt ngược chiều nhau và chẳng hề va chạm nhau. Ngài là thượng đế và tôi thì tự do. Chúng ta cô đơn giống nhau và nỗi xao xuyến của chúng ta cũng giống nhau. Ai bảo với ngài rằng tôi chẳng tìm hồi hận giữa suốt đêm dài, lòng hồi hận, giấc ngủ dài. Tôi đã không nữa hồi hận và những đêm dài không ngủ.

JUPITER

Con trông mong làm được gì.

ORESTE

Dân chúng thành Argot là thần dân của tôi, tôi phải mở mắt họ ra,

JUPITER

Đáng thương cho chúng ! Con sắp đem đến cho chúng cô đơn và xấu hổ con sắp lột tấm màn che

chúng ta đã phủ kín, bỗng đứng con trở cho chúng lẽ sinh tồn, nỗi ám ảnh và lẽ tồn sinh vô vị, chẳng đem lại cho chúng được gì.

ORESTE

Tại sao tôi từ chối họ sự tuyệt vọng trong tôi, bởi chính đó là số phận của họ ?

JUPITER

Chúng sẽ làm được gì ?

ORESTE

Làm những gì họ muốn, vì họ tự do. Và cuộc đời con người bắt đầu ở bên kia bờ tuyệt vọng.

Im lặng

JUPITER

Được rồi, tất cả đều đã được dự đoán, Một con người phải đến báo hiệu giờ tàn tạ của ta. Nhưng người đó là con ư ? Ai tin được khi hôm qua đây còn nhìn thấy vẻ mặt non nớt của con.

ORESTE

Không phải tôi tin ư ? Những lời tôi nói quá to tát như xé rách môi lưỡi tôi. Định mệnh mà tôi vào

trên vai quá nặng nề như bẻ gập
tuổi trẻ của tôi.

JUPITER

Ta không thương gì con nhưng
ta ái ngại cho con.

ORESTE

Tôi cũng ái ngại cho ngài

JUPITER

Giã từ con, Oreste (Jupiter bước
đi) còn con Electre hãy nhớ điều này

ta vẫn mãi mãi trị vì, luôn luôn vậy
và không bao giờ ta muốn bỏ cuộc
giã từ con. Xem đi, con ở với ta hay
chống lại ta. Thôi, giã từ.

ORESTE

Giã từ ngài.

Jupiter ra

(Hết màn (III), cảnh chót)

J.P. SARTRE

BIÊN ĐÔNG

MINH-TUẤN
HOÀNG-VÂN-ĐÌNH

VÙNG BIÊN trở nên im lặng kỳ lạ, những đợt sóng hiện dấu lại, trước sự to lớn của biển cả, cảm thấy bé nhỏ lại cùng sự bất lực, yếu ớt của thân thể. Tôi vừa đi về phía trước vừa hoang mang lạ thường. Tuyến quay qua nhìn tôi như vật lạ, nàng hỏi tôi với vẻ bình tĩnh giả tạo, nét mặt đững đưng của nàng không che dấu được sự lo sợ hiện rõ. Anh quyết định đăng lính? — Ừ — Tại sao? — Chẳng tại sao cả? —

Trời tối sầm, từng đám mây đen kéo đến, mặt biển thay đổi cùng tiếng gào thét không ngừng, mưa nặng hạt, gió thổi đưa các cây hai bên đường nghiêng ngả rì rào. Tôi và Tuyến chạy vào căn nhà nhỏ ở mé biển, căn nhà tranh xiêu vẹo, chắc đây là cái quán bán nước trước kia. Cạnh một bãi mênh mông, những cột nhà cháy đen xì không có bóng người — mẫu tạc tóc bao trùm, mảnh bom đạn nằm rải rác, chắc nơi đây hai bên mới đánh nhau, tôi nghĩ thế. Vùng đen cháy nổi lên pho bầy đầy đủ chứng tích của cuộc chiến. Vùng điêu tàn hoang lạnh trước mắt chỉ là

một trong muôn ngàn vùng điều tàn hoang lạnh của quê hương đau khổ. Tôi và Tuyền nhìn nhau không nói rồi cứ nhìn thẳng, thẳng mãi như tìm kiếm vùng xanh tươi heo hút còn lại trước mặt. Tôi buồn tiếng thở dài. Anh có nghĩ rằng anh đang vào lính có ích lợi gì không? Em hỏi anh câu đó chính anh cũng không hiểu anh nữa, nỗi buồn phủ tràn châu thân đến như vô cơ. Tuyền đòi về. Chúng tôi bước đều không nói, trời về chiều sóng biển lại trở về sự đáng yêu như trước khi mưa.

Đột nhiên Tuyền dừng lại hỏi tôi câu nàng hỏi lúc nãy: «Anh có nghĩ rằng anh đang lính có ích lợi gì không?» Tôi buông thõng: «Anh trả lời rồi! — Em không tin! — Anh đã bảo rồi, anh chẳng biết anh nữa, Em không tin, biết nói sao cho Em hiểu!».

Tuyền cúi mặt nhìn hai chân mình: — «Rồi có lúc anh hối hận» — có lẽ! Em đừng buồn mình bị kẹt mà — Nhưng anh chưa gọi, — trước sau gì cũng phải đi,

tôi không muốn nói tiếp — qua chợ, tôi bảo Tuyền vào uống nước, nàng lắc đầu. Về đến nhà nàng, tôi chỉ nói được: Em ngủ ngon — Nàng quay lại nhìn tôi rồi chạy nhanh vào nhà ôm mặt khóc. Em làm sao hiểu anh hồ Tuyền. Tôi cảm thấy trống rỗng hoàn toàn, luồng gió đưa lại đem thổi mái, thỉnh thoảng, vài Mỹ kiều cặp tay vài đứa con gái Việt đi qua, họ cười đùa hồ hốt, coi trơ trên lối bịch. Hai thái dương đột nhiên nóng. Đi về phía chợ, vào tiệm gọi ly cà phê nóng đắng, thuốc lá hết điều này qua điều khác. Phía trước mặt hai người lính nhảy dù ngồi uống la-de với nhau coi tương đắc. Chắc họ mới hành quân về, gương mặt hiện rõ nét háo hức pha sâu tuổi. Tôi nghĩ họ mới ở trong rừng ra, được về phép.

— Kỳ này đi hành quân có gì vui không mà?

— Chẳng có gì, toàn là súng đạn máu xương,

○○○

Về đến ngõ mấy đứa bé đang chơi ú tím, thấy tôi chúng reo lên :

— A chú Hai về.

Rồi chúng nó ùa vào người tôi, đứa nắm tay, đứa đứng chặn trước mặt.

— Chú đi đâu về đó ?

— Bánh cháu đâu ?

Tôi trả lời :

— Thôi đề hôm khác, hôm nay chú mệt.

Thằng Ba hình như chưa thỏa mãn câu trả lời của tôi, nó vẫn cầm tay, mặt nhăn lại.

— Nhưng Bánh cháu đâu ?

Tôi phải nói cho xong chuyện.

Hôm khác, hôm nay chú mệt chú quên mua.

Nó cần nhận : « Hôm khác, hôm khác hoài ».

Chạy nhanh vào trong ngõ, bọn trẻ dẫn ra, chạy chơi ú tím tiếp, tiếng chúng vang sau lưng, cười đùa khúc khích. Rồi sau

nhưng 1/4 sẽ chúng ta sao? Tôi không dám nghĩ tiếp.

Bà chú nhà, thấy tôi lên tiếng:

— Chà, cậu Hai đi đâu về vậy, đi từ sớm làm tôi đợi cơm quá.
Tôi cảm động về sự săn sóc đó.

— Dạ, đi uống cà phê gặp mấy người bạn. Xin lỗi để bà phải đợi cơm.

Bà mỉm cười tha thứ.

— Không sao, tôi tưởng cậu bị gì rồi?

— Nhưng nụ cười ngàn người quá nhường cho sự lo sợ,
bà hỏi

— Cậu Hai có nghe gì không?

— Dạ, chắc tiếng súng rất gần.

— Chắc họ đánh nhau gần đây.

— Dạ, — chắc gần đây.

Những nét lo âu hẳn lên.

— Không biết dân đó có miền bị gì không? Chiến tranh hoại.
Nhà ông Tư xóm dưới hôm trước bị cháy hết cả một vườn mía,
hết vốn lẫn lời. Thiệt quá sức, còn nghe nói đứa con ông bị thương
vì lạc đạn. Đánh nhau hoại.

Tôi không trả lời. Tôi lại gặp, còn gì nữa? còn ai nữa?
Tôi đã trốn chạy như lời than van đó mà không thoát. Tiếng
Bà Hai vẫn còn văng vẳng sau lưng.

Bà Hai chưa lo mình xong, đã lo cho người. Họ cùng sống
trong đau khổ nên họ thương nhau đến quên cả mình. Tình thương
họ phong phú. Bà nói câu đó vì lòng thương, tình đồng bào

Nhằm đầu ứa tràn, đi leo nhanh lên
gác nằm luôn trên giường, úp mặt vào gối. Cố đưa mình vào giấc
ngủ mà không chớp mắt được. Đầu óc miên man. Những đứa bé

Những hình ảnh đua nhau khiêu vũ trước mắt. Tiếng đồng hồ tích tắc, tích tắc. Cố nhắm mắt, rồi mở mắt, mở mắt rồi nhắm mắt lại. Tiếng chó sủa chu lèch, lạnh người. Tiếng phi cơ, tiếng đại bác. Xa xa tiếng âm âm vọng lại càng lúc càng gần âm thanh chậm chậm. Đoàn xe đi hành quân về. Cháu bánh cháu đầu bánh cháu đầu Tiếng bánh xe nghiêng đường đất đỏ. Hôm khác, hôm khác hoài. Rồi sau những đứa trẻ ngây thơ đáng yêu đó ra sao Chúng nó bị như thế hệ tôi không? Giờ này, vùng xa trong quê hương khói lửa những đứa trẻ như thế còn cha? còn mẹ? còn gia đình? Tê tái lên lời vào hồn, sự trống trải tăng thêm cô đơn. Ngọn đèn dầu le loét, gió thổi qua khung cửa lạnh lạnh. Mắt mở trừng trừng, nhìn lêu lêu sân nhà, tiếng « chắc chắc », khe rợn của thân lẩn.

Lật nghiêng người với tay lấy quyển sách úp lên mặt. Chợp mắt được một lúc. Tiếng âm âm to lớn rung nhà cắt ngang sự thoải mái ngán ngủ. Làm giật mình, tỉnh giấc. Tiếng Bà Hai ngáy ngủ, hoảng hốt vọng từ dưới nhà lên :

— Chi đó cậ Hai ?

Tôi ngồi dậy ra đầu cầu thang nhìn xuống nhà nói :

— Dạ cháu cũng không biết. Nghe như tiếng đại bác.

Chạy ra lan can, chẳng thấy gì, toà nhà đối diện. Ông Ba ở nhà trước mặt tay vừa cài khuy áo vừa nói, cảm uối chắc nịch

— Tiếng đại nghe lớn quá, đánh gần đây.

Hàng xóm vài người đàn ông, đàn bà thức dậy về mặt ngủ chưa đầy giấc. Ông bên cạnh, ra vẻ, hiểu biết hơn.

— Đại bác cái gì? Phi cơ vượt trường âm thanh.

— Vượt trường âm thanh gì? Đại bác mà!

Tiếng họ lẩn lộn chen chúc.

— Đại bác thì còn nghe hẳn nhiều nữa.

— Ồ

Ông Ba vừa gạt đầu vừa cài khuy nút áo chột. Ông nói luôn,

— Ồ ! ở mình chờ nghe coi.

Một lát sau, đêm trở lại tĩnh mịch, và buồn thâm — Tiếng ãnh trong sau nhà hòa cùng tiếng cò trùn nghe như rên rỉ. Thấy không còn nghe gì nữa, Họ lần lượt vào nhà Ông Bà vừa trở vào vừa lẩm bẩm tức lỏn.

Còn đâu ? Còn
đâu ? Miềm quế hương thanh bình thuở trước, còn đâu câu hò, điệu hát trong những tháng được mùa, còn đâu những ngày hội hè, những ngày trai gái đua nhau khoe quần áo mới, còn đâu lũ trẻ thơ ngồi cạnh ông bà nghe kể chuyện dưới ánh trăng. Còn đâu còn đâu giờ phút thiên thần đó. Tôi cố hình dung lại những hình ảnh đã được nghe, được đọc, được cha mẹ tôi kể lại hồi còn bé.

Mắt lão nhìn lên. Tiếng phi cơ âm âm trở lại. Trần trọc không nhâm mắt lại được, mỗi lần dặt tiếp tục, tiếp tục dặt xé hồn tôi như những màng nhện quấn chặt, mãi quấn chặt vào người.

Tôi không kịp tìm dép, vội vã xuống nhà, ra đằng sau hai tay vốc nước rửa mặt, nước mưa làm mát rười tạnh tao. Vì sao mọc đầy trời nhấp nhé. Ngồi xuống gốc dừa khằng khịu lá khô gần hết, mong mỗi tim luồng gió mát nào xoa dịu được tâm hồn.

Lại ! Lại ! tiếng súng từ xa vọng lại, một lúc một gần tiếng phi cơ, tiếng bom,

Tiếng mở cửa kêu loảng, cùng tiếng chân người lép xẹp. Bà Hai đã dậy.

— Dậy sớm chi dữ vậy cậu Hai? Bà hỏi tôi.

— Dạ tôi không ngủ được.

Đến chum nước hai tay vừa vốc nước vào mặt, bà vừa nói:

— Hồi hôm không biết đánh miết nào vậy? Tiếng gì nồ to quá xá.

— Nghe ông kể bên nói, tiếng phi cơ vượt tường âm thanh.

— Vượt tường vượt tường cái nồ, gì vậy chứ.

Bà căn nhắc như ông Ba hỏi thêm.

Tự nhiên niềm buốt từ đâu đem đến tâm hồn quá đột ngột.

Giờ này Tuyền cũng không ngủ được! Chắc vậy Tôi hiểu. Chúng mình là những kẻ tù đầy, anh hối hận không diễn tả nỗi niềm suy tưởng của Anh cho Em rõ. Anh cố trốn chạy cái gông cùm đầy dọa. Anh hành động như kẻ phạm tội, mà sao nó cứ ăn ảnh, chiến tranh ăn mòn tâm hồn Anh, tâm hồn Em, tâm hồn chúng ta, quê hương khốn khổ.

Đau thương chập chờn lên mặt những vùng, đen vùng đen ưu tư, trán chúng mình hằn lên những vết càng ngày càng nhiều theo thời gian. Phiền não như cỏ dại mọc đầy người. Nước mắt mặn chát đầu lưỡi. Thân hình chúng mình như những mảnh hoang thai. Hành trang đi vào đời chỉ còn những mảnh thê gầy xương xẩu,

Hàng đồng lộ dần, một mẫu vàng ói. Xưa kia cũng buổi sáng như vậy, ngày đó còn là ăn sùng, người nông phu ở nơi đồng ruộng mọc mướt đang gọi nhau đi cày, chắc các chị đang sắp sửa đi họp chợ, mục đồng đang sửa soạn dắt trâu ra đồng và bây giờ còn đâu? còn đâu? Như một kẻ hèn yếu cảm thấy cái bất lực củi mình chưa làm được gì cho đất nước này, tìm lại những hình ảnh cũ để an ủi, để né tránh sự suy nghĩ ác hại kia đang vô xé chlin thân thể mình. Cuộc hành trình suy tưởng đi vào thăm thẳm, thực tại còn nung nấu, còn đốt bùng, như sức nóng của bom tàn phá, cu thiêu hủy vì tâm linh sùi, như hững chứng tích của chiến tranh. Tôi đã mộng suốt đời nguyện sẽ thực hiện một cuộc hành trình qua các miền quê hương, đất nước, người hết hương lửa dưng tho của ngày mùa. —

Trước khi quyết định rời khỏi thị trấn, để lại bức thư củ người yêu, cho Tuyền và cho tôi. Tôi sợ đôi điện, đ điện với chính tôi, miễn sa mạc hoang vu trước mặt, còn cho em? cho Tuyền?

Thị trấn, ngày... tháng... năm 1966.

Tuyền yêu!

Gấp dòng chữ này chôn Anh đi xa nơi thị trấn. Ph bình anh không dám, hay không muốn đối diện với chiến tranh tâm trạng anh đang ứu đày anh ngay giữa quê hương củ chúng mình. Sở dĩ anh đặt câu hỏi này vì anh không hi mỗi chính anh? Em hỏi anh, anh đứng linh có ích lợi gì

Làm sao anh trả lời, anh làm sao diễn tả cho em hiểu. Em làm sao hiểu anh, không phải anh kiêu hãnh đâu mà đây là một sự thực, một sự thực như bom nhuc đạn đang tàn phá quê hương chúng ta.

Cuộc ra đi này anh chạy trốn, chạy trốn tình yêu chúng ta, chạy trốn tình yêu của em. Tại sao? Tại sao? đó là câu trả lời mà anh đang có trả lời cho chính anh. Chúng ta là những gì? Phải chăng là đi săn cuộc đời trên mảnh đất tan tác, khô lau.

Tuyen yêu

Dù cuộc ra đi đây có một sự lẩn tránh, thì em cũng ở tình yêu mà tha thứ cho anh và anh mãi mãi yêu em như yêu quê hương đau khổ.

Thương em,

— Rồi bỏ tất cả, ngập ngừng lên xe.

Từ biệt thị trấn ra đi đem theo nỗi buồn và nỗi tiếc. Xe us thị trấn bằng con đường nhỏ gồ ghề đất đỏ. Hai bên tôi hững đồng lúa khoảng chết rạp, khoảng cháy rụi khô cằn, vắng bóng đồng dào tôi vắng bóng những người đầy hy sinh cấy lúa, đồng ruộng hoang vu mà quái trông rỗng như tâm hồn. Thuốc lá liên tiếp, liên tiếp. Xe càng đi, vùng đất càng sau càng xa thẳm, bỏ lại tất cả. Tình yêu. Tình thương. Tình làng hữu và ra đi đây để giải quyết gì?

Xe đến bến, tay xách va ly, bước xuống choáng váng. Người ở xe nhìn tôi mỉm cười, tôi gật đầu chào rút thuốc hút.

— Đạo này làm ăn khá không?

— Ngheo làm thầy Hai, bần nhau xe nghệt hoai, chiếc
cục. Bít tay giã từ, vội vã.

Miền man đi mãi, đi mãi. Trên đầu từng đoàn phi cơ như
đim mây âm âm rung chuyển. Tay xách hành lý đi dần vào con
đường nhỏ, sự mệt mỏi chán chường vấy phủ. Đêm dần đến dần
đến vào xin ngủ nhờ ở một ngôi chùa. Nằm nghe văng vẳng tiếng
súng xa hòa lẫn tiếng mõ tiếng chuông chùa. Âm vang mát rượi
thoải mái làm hồi tưởng lại ngày còn bé được Mẹ dẫn đi chùa
ăn oản, chuối và tiếng Mẹ gọi vì sợ lạc trong ngôi chùa
quá lớn. Những ngày hội ngày hè vui nhộn của miền Bắc thanh
bình thưở trước. Dĩ vãng đua nhau hiện ra nước mắt. Tiếng chuông
chùa mầu nhiệm như sức sống của Dân Tộc. Xa xa tiếng i-âm
vọng lại phá tan niềm khao khát và nỗi đau khô kỹ lạ quyển xoáy
tâm hồn.

Tự nhiên nghĩ đến Tuyên và viết ngay cho nàng một lá thư.



«Hương» An-Lạc

Trống lòng, an tọa lìm đim,
Bỗng nghe An-Lạc mùi thiên bay qua
Thanh hương lay động trúc già,
Mấy dòng quê kịch gọi là làm duyên.

An-Lạc biên
Cơ diệu huyền
Hiệp ý thiên

Thiên đường rõ rõ thanh quang,
Hương thiên mở lối đưa đàng chúng sanh
Khai kinh Vô sự, giảng rành,
Ngọn nguồn chơn lý lưu hành khắp nơi.

Bụi trần rơi
Đạo đó đời
Khởi luận hồi

*Luân hồi trả nợ tiền khiên,
Còn mong gì gặp con thuyền Tây phương
Sám kinh chỉ rõ thiên đường
Hạnh y chơn giáo là phương thoát trần.*

*Ấy duyên phần
Khỏi trầm luân
Khoẻ tinh thần.*

*Tinh thần thánh đức tạo nên,
Là nhờ Phật sám dạy truyền từ xưa,
Độ đời Phật dẫn sớm trưa
Cống phu cố gắng, muối dưa chay lòng.*

*Lấy nước trong
Rửa sạch lòng
Đề trống không*

*Không không là tánh của trời
Là tâm của Phật, là nơi Niết bàn
Con đường về cõi Tây phương
Khó đi, dễ bước xa gần tại ta
Lạnh thay mùi nước Ma-ha
Lạnh thay An-Lạc tung ra khắp trâu !
Lạnh thay ch iếc bóng linh phan ! !*

An Lư Cư Sĩ

(Cơ quan giáo lý Cao Đài).

NỮ QUÁI

THƯỢNG tuần tháng 8 âm lịch, có cuộc họp của Hội Đồng Viện Hóa Đạo tại chùa Ấn Quang, Thượng tọa Pháp Trí vừa ở phòng họp ra thì bị một số phụ nữ không biết ở đâu đến. Xông đến uy hiếp. Họ vây quanh Thượng tọa, hỏi Thượng tọa có phải là tác giả một bức thư bất hợp tác nào đó hay không

rồi họ xé tờ Thông cáo ấy trước mặt Thượng tọa và dẫm chân lên.

Hành động trên, có người không biết, cho là của bọn « nạc nõ »

đến hủy nhục đối với quý vị thượng tọa để quý vị biết oai những chuyện tay đấm to hơn nữa có thể xảy ra.

Cũng có người lại cho rằng của nhóm này tổ chức để hạ uy tín nhóm kia, khiến cho Phật giáo vô tình, đã có những đệ tử không biết rằng: làm như thế tức là làm nhục tôn giáo mình, và như thế là mình vô tình hay cố ý phản lại đạo pháp, vì đã là đệ tử nhà Phật thì dù quy y một chùa nào đều tôn kính tất cả thập phương Tăng.

Muốn sao, thì hạng phụ nữ ấy chúng ta không cần nói đến. Họ gây nên nghiệp họ phải chịu quả báo. Gương Thanh Đề, hồi Phật còn tại thế, gương Thị Mâu, quấy đảo cửa từ bi, đều phải thác sinh

làm ngọc quý, sức sinh, hay phát
đẩy vào ngục A tỳ, muôn đời vạn
kiếp không thoát khỏi... Chúng ta
mặc họ, không điếm xia tới họ làm
gì.

Tuy nhiên, đối với thiên môn
chính họ mới là lớp chúng sinh cần
phải được độ không thức tỉnh họ
đề họ đi mãi vào dương tội lỗi, tiếp
tục làm điều ác ở chùa thì phá
hại chùa chiền ở nhà thì phá hoại
chồng con, không cần biết đến
tương lai hay hậu quả về mọi việc
tọ đã làm... Họ ví như con thú
dữ, vô tư, vô giác, ai động đến
quyền lợi thì cắn, thì phá phách
không đoái hoài gì đến cảnh vật
xung quanh, và nghiệp chướng gây
ra...

Điều đáng than phiền, là T.T
Pháp Tri, --
tưởng là nương của Bồ đề để tâm
hôn thư thái ung dung, nương giáo
pháp để phủi đời trần tục. Nào
ngờ " không buông tha."

Đường Tăng còn bị 101 tai nạn
mới: -- được hạnh nguyện. Trước
cảnh thương tâm không biết can-
thiệp bằng cách nào, chỉ còn biết
nước mắt chảy quanh... Thật là tai-
nghiệp!!!! Thương thầy cũng có
mà thương bạn cũng có. Thương
thầy đang gặp điều trắc trở. Thương
kẻ có tội dọa địa ngục rồi đây sẽ
không bao giờ thoát khỏi..

Thanh đê, Hy Thi... có duyên
may còn được cứu. Kẻ «nac nê»
làm ác lần này thì chồng con nào
mà cầu siêu cho hết tội được...
Chuông buộc vào cổ cộp thì chính
người buộc chúng mới cởi được.
Kẻ làm tội ác mà không biết ăn năn
thì đời này, đời khác, kiếp này,
kiếp sau trong ngục cửu u, chịu
trăm điều khổ cực «dụng tới miệng
ăn như lửa đốt mồm, dụng tới
nước uống. như dầu sôi làm cháy
ruột»...

Các bà thương thân cũng có
Thầy đứng yên, hưởng lành, tưởng

lên chùa cầu kinh hay thấy hành động trái tai gai mắt ấy.

« Con sâu làm rầu nồi canh.... »

« Một người làm xấu cả bọn »

« Một người làm mang nhớ.... »

Rồi còn nổi, tiếng tăm bè nọ phái kia, « tam cô, lục bà nổi oan Thị Kính, bao giờ rửa sạch cho xong... Thành ra các bà chỉ biết khóc... Khóc thương thầy... thương bạn... thương thân... và không biết phải hành động thế nào sau giây phút hối cải nọ... Đời mạc pháp có ngờ đâu lắm truyện... chỉ có một lòng làm điều lành, phúc đâu chẳng thấy mà thật ơ là thấy tội...

Đề an ủi các bà có người đã báo: « Đã trọng Tăng theo Phật, càng oan khiên, càng nhẫn nhục càng trì giới, càng kiên tâm mới càng chóng chứng quả Bồ đề. Cứ điều phải mà làm, chứ biết phúc đâu mà tìm, họa đâu mà tránh »

Tuy đường lối thiên môn là như vậy, nhưng những hành động sai lầm kia cũng khó tránh cảnh

« Nữ kẻ tác quái » để làm cho nhật báo Dân Chúng đã đăng là :

«Mắt mặt không.. nhỏ đối với cái tôn giáo bạn, về Quốc thể Việt Nam đối với các nước theo Phật cũng bị ảnh hưởng và có nhiều phần bị tổn thương.»

Và chẳng, xét lại câu chuyện rắc rối vừa rồi chúng ta nhận thấy rằng ! «Những sự con giết cha, tôi giết c húa, người tu phản đạo, đây tớ phản thầy, anh em bè bạn phản nhau, đều không phải là một sớm một chiều có thể xảy ra mà nó đã tích lũy được từ bao lâu và nghệ kỹ ra ngàn ấy sự việc đều cũng chỉ vì do cái nghiệp tham sân si mà gây nên cả.

Tham, không cứ gì tham xấu tham oân mới là tham, tham đa vị, quyền hành, nệm mousse, giường cao, chiếu đẹp cũng là tham. Không cứ gì tham Mỹ Kim, gái đẹp mới là tham, mà tham đi ô tô,

tham được kẻ mời, người rước kẻ
nhìn bợ, người chịu chuồng cũng là
tham. Mà cũng không thứ gì
tham cho bề phái của mình hơn
cũng là tham, tham cho lòng tự ái;
được thỏa mãn, tham được
nhiều vật chất để thỏa mãn bản tính
cuồng si ấy được dễ chịu đều là tham
cả. Nếu không thỏa mãn được lòng
tham thì nổi sân lên thế là sự nổi
tiếp. Khi đã sân si thì khác gì kẻ
điên, còn biết đâu là phải trái nữa,

Tham sân si là điều tối kỵ trong
Quy ước nhà Phật. Kẻ nào bước
chân vào chùa, trước khi đề tâm
hôn thanh thoát mà nghe câu kinh
điển kệ, thường phải quỳ trước tam
bảo mà xin sám hối :

Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp
Giai do vô thi tham sân si
Tông thân khẩu ý chi sở sinh
Nhất thiết ngã kim giai sám hối

— VIỆT DỊCH —

Chúng con đã tạo bao ác nghiệp
Đều do vô thi tham sân si

Từ thân miệng ý phát sinh
Hết thầy chúng con xin sám hối

Và có lẽ Phật tử chúng ta,
không ai không thuộc lòng mấy
câu trên đây. Ngày nào cũng đọc
cũng tụng. Tụng và phải suy nghĩ
tới lời mình tụng, mong thấu tới cõi
Chân như... Từ vô thi cho đến nay
cái tham, sân, si, nó đã hại người
ta biết bao. Con bỏ cha, anh em bỏ
nhau, non nước chia đôi, vợ chồng
cách biệt phần nhiều cũng chỉ vì
tham sân si mà ra... Ai cũng biết
vậy, ai cũng hiểu vậy mà cũng không
bỏ được sự tham sân... si,

Tu là cầu mong giải thoát, tất
cả sự vật đều phương tiện, Chùa
Xá Lợi, cũng như Viện Hóa Đạo,
chỉ là trò giả tạo trên cõi đời giả
tạo tạm bợ này đến khi nhắm mắt,
buông tay, thì của « Cesar lại giả vờ
cho Cesar » tiền rủng bạc bề có ai
mang theo được, vậy mà vẫn tham
sân si.

Chùa Xá Lợi ba năm trước
sau cuộc đấu tranh lịch sử vì một

«số «ma nữ» già «ma nữ» non, ồn
thót, gây chia rẽ nội bộ. mãi cho
tới ngày nay vẫn để lại tiếng cười
cho nhân thế.

Viện Hóa Đạo, ba năm sau
vẫn chưa hoàn thành được ngôi Tam
bảo rồi sinh diễn radiôu nọ tiếng kia
Phân nhiều cũng tại do mấy bà
«ma nữ» khó khăn, ưa làm áp phe
hơn là nghĩ lo cho Phật pháp..

Đức Phật đã cho* bõn chúng,
nhưng hiện tại là đời mạt pháp nếu
đề bõn ma nữ nhập chúng hay
tham gia vào chính sự của giáo hội
thì ôi thôi! Sẽ là chia ly; sẽ là sụp
đổ, sẽ là đao diên. Tinh thần
vị tha sẽ biến thành tinh thần vị
kỳ, tinh thần kỳ thị địa phương. Con
đường vô ngã sẽ thành con đường

chấp ngã... và kẻ thoát tục tiêu
trần sẽ biến thành con người trần
tục, lười sắc tài danh lợi làm
vướng bước chân của bậc đại
trượng phu, bệnh tự kiêu... tự đắc
không là mằm móng sụp đổ và sa
đọa.

Không lúc nào bằng lúc này,
đạo Phật dương phục hồi đề tiến
vào thời kỳ hưng thịnh... Ma quỷ
khoát hình người đang cấu kết cùng
nhau phá đạo. Chú Lăng Nghiêm
tụng hằng ngày không kiềm giữ nổi
và dưới con mắt đạo tâm, không
có gì khó coi bằng thấy những
tăng sĩ hờn hờ giữa đám nọ đồng toe
toét, hay năn ba chú tiêu đi
xe đạp song đôi với mấy cô
nữ sinh... Người ta thì thăm
bào nhau

« Có lẽ số ấy là ma mặc
áo giả tu.

Phật tử nghĩ mong : nhiệm vụ Hóa
duyên hành đạo, Kính lạy từ bi
giáo hội lân mẫn cho chúng con

được sám hối, nếu những lời trên đây có khuyết, cũng chỉ vì nóng lòng cho đạo pháp đang gặp nạn. Lạy Phật tổ gia hộ cho Phật giáo Việt Nam sớm thống nhất được nhân tâm và trường tồn và bất cứ lúc nào, trong hoàn cảnh nào, cũng có chư vị hiền thánh, Tăng, nêu cao gương quả cảm, «Vô úy và vị tha», cho nhân loại

được nhuần triêm và những kẻ tâm bạo, dấy dấy ác tâm sớm quay đầu về bến giác...

Nguyễn đem tâm huyết này

Hương về với tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo

NGUYỄN BÌNH TUYẾN



Hãy đồn rừng dục vọng, chớ đồn cây thọ lam,
Dục vọng làm cho người lo sợ —
Hãy thoát ngoài rừng dục vọng



Miền các biển

hứa đình anh

Vỗ văng thức trắng tuổi xanh
Nghe tira cuồng động thân mình phụ lưu
Chảy trôi, băng hoại, tiêu điều
Cồng lưng xe cát bóng chiều tà huy
Triều dâng thịnh nộ ước mi
Bọt lặn vết cát xóa đi tuổi mòn
Sóng reo vỗ,
Tóc biển màu,
Vùng xanh mắt biển bạc đầu tàn trôi
Đạt đà o mây tiếp lưng đôi
Luân lưu đồng vọng nghe còi dấm tang
Dựng mộ bia, giảng rào kềm
Lâm dã tràng tô kẻ trượng nhân
Rong rêu xây mộ đá ngậm.
Chìm sâu đáy bể rã vùng ước mơ
Thành phố biển tình,
Sắt thép anh linh
Kềm gai lòng biển động,
Tháo gỡ tuổi băng trình.
Nhập cuộc, cờ trong hồn,
Trần bông tay trắng ôm thần thoại ca
Quê hương máu lệ nhạt nhòa,
Bờ miền cát biển hòa ca lời hùng.

Nữ sĩ

ĐẠM PHƯƠNG

VIẾT. Lại dò hồ. Lại viết. Cuối cùng tôi phải ngâm một mình trong chùa vắng ở đường Nguyễn Huệ Phố Nhuận trong đêm cuối thu.

« Cuộc cờ thế giới xoay trăm hướng

Giữ chí trung kiên vẹn một bề

Tâm trạng anh hùng đang thấu rõ

Mé lòng xin chút áng hương què

Phải rồi cái tâm trạng anh hùng ai mà thấu rõ. Nhất là cái đảo điên vì cuộc cờ thế giới đương xoay trăm hướng — mà mảnh đất Việt Nam bé nhỏ này phải gánh chịu

Bao người đi vì quê hương? Bao người mất vì quê hương? Không biết nữa, chỉ biết rằng:

« Nơi chốn biên cương giữa phút này

Men sương rượu tuyết tinh say

Người lo nghĩ vụ phơi xương máu

Kẻ hận thời gian bám đốt tay

Hận gì? Có phải hận vì chiến tranh đã đem chàng đi — em ở lại nhà trong tuổi thanh xuân mong ngóng, trong người gái Việt Nam bởi vì Xét nợ áo cơm chồng chất núi, đành duyên hương lửa mộng cung mây. Phải rồi duyên nợ của em trong thời buổi loạn ly có khác gì mây buổi chiều, sương buổi sớm :

Nhớ khách tang bồng gương nguyệt

Thương ta tơ tóc mạng xe vò

Bởi vì em là em gái Việt Nam, em biết rằng :

Anh đem thân bảy thước xoay trời đất

Nghĩ khắp cả nào đâu chuyện một ngày

Và một ngày nào đó trong quá khứ em từng nói với chàng

Trang sử chờ ai dưới ánh đèn

Sửa xiêm mới gợn khách lên yên

Dám đâu chần gởi vui tơ tóc

Mà đề sơn hà phải ngựa nghiêng

Nhờ đến bây giờ em vẫn là em của đợi chờ.

Ngày lại ngày qua đếm lá vàng

Thu sang mang cả khối buồn sang

Sương mù quan ải fin bằng bật

Gió lạnh phòng khuya phện dờ dang

Mây phủ trang tư sầu mấy lớp

Mưa gieo trường hận muôn hàng

Đốt lò hương cũ xông tâm sự

Rút đoạn tơ lòng dệt mấy trang

Đó là lời của nữ sĩ ĐẠM-PHƯƠNG đã gởi gắm cho chàng trai Việt trong giai đoạn lịch sử trong thời chống Pháp và...

ĐẠM-PHƯƠNG suốt đời hy sinh tình «riêng» để góp vào nghĩa «chung». — đúng là người gái Việt theo ý nghĩa «nhân bản tính» và «dân tộc tình».

**Đã là kẻ sĩ trang anh dũng
Sẽ kẻ dày hè lũ chấu manh
Sứ Việt tinh học sông núi Việt
Sử nhà tô lại nét đang thanh**

Anh là kẻ sĩ anh là anh hùng, anh là tài hoa, thì có sớ gì bày tỏ lũ chấu manh, tinh hoa Việt. Sông núi Việt, Anh là trang sử Việt, tô điểm trên trống sắt thép hùng anh—Anh cứ mặc em :

Thôn thức phòng khuê một tiếng gà.

Vì anh làm nghĩa vụ cho quê hương cho xứ sở cho đất Việt Nam. Anh hãy đập tan lũ bày hè, lũ chấu manh, lũ buôn dân, lũ bán nước giết người.

**Em biết chẳng mò
Bình pháp tính cơ hơn tính nước
Sĩ phu quen chiến chẳng quen hàng»**

Cái khí tiết, còn oai hùng. Cái nhớ nhung. Cái xa vắng. Cái tài hoa. Cái anh dũng đã được nữ sĩ PHƯƠNG-ĐẠM ký thác trong bài «MƯA THỤ» mà tôi đã viết trên.

ĐẠM-PHƯƠNG học ở Huế. Bà là bạn thân của vợ Học giả Đào-Duy-Anh. Bà là người đầu tiên cùng với vợ Đào-Duy-Anh mở trường Nữ Công lớn nhất Việt Nam tại Huế.

Ý hướng cách mạng và xã hội nằm trong đầu óc bà lúc hé và bộc phát mạnh nhất trong thời gian bà thi bằng «Thi ảnh chung» và thời chống Pháp,

1958 Bà còn tu ở Huế. Bài thơ Mưa Thu tôi nhận được từ 1957 do thi sĩ Nam Chi Hoàng Ai Việt tro & Công Bùi Phát, Đường trường Minh Giang trong một buổi sáng yếu nắng trên căn gác nghèo đói của tôi:

Nơi đây tôi không phê phán. Nơi đây tôi không ca tụng tài hoa của nữ sĩ ĐẠM-PHƯƠNG. Đề đọc giả tự do thưởng thức theo chiều hướng của mình.

Và cuối cùng tôi xin trích bài Mưa Thu của PHƯƠNG-ĐẠM và bài họa của thi sĩ Nam Chi Hoàng Ai Việt cho đọc giả thưởng thức cho những nhà viết về thi ca Việt Nam thêm tài liệu.

THÙY-DƯƠNG-TỬ

Sương gợi rùng phong lá tả rơi
Tranh thu cù vẽ cảnh không người
Trời tan, gió khóc, mây sâu tỏa
Bè quanh thuyền không nước liệm trôi
Nhớ khách tang bồng gươm dưới nguyệt
Thương ta tóc mọc mộng xa vời
Năm canh trướng liễu năm canh giục
Nhọc ngựa tung bưng rộn khắp nơi

Nơi chốn biên cương giữa phút này
Men sương, rượu tuyết chén tình say
Người lo nghĩa vụ phơi xương máu
Kẻ hận thời gian bấm đốt tay
Xét nợ áo cơm chông ngắt núi
Đành duyên hương lửa mộng cung mây
Đem thân bầy thuốc xoay trời đất
Nghiep cả nào đâu chuyện một ngày
Ngày lại ngày qua đếm lá vàng
Thu sang mang cả khối buồn sang
Sương mờ quan ải tin bằng bặt
Gió lạnh phòng khuya dờ dang
Mây ù tương tư sầu mấy lớp
Mưa gieo trường hận lệ muôn hàng
Đốt lò hương cũ xông tâm sự
Rút đoạn tơ lòng dệt mấy trang

—0—

Trang sử chờ ai dưới ánh đèn
Sửa xiêm mới giục khách lên yên
Đám đầu chẵn gối vui tơ tóc
Mà đề sơn hà phải ngựa nghiêng
Cỡi Bắc còn che mờ giấc Điệp
Thành Nam quyết rửa hận hồn Quyên
Chợ chiều cách mạng khôn khéo
Phân biệt vàng thau mỗi điệu huyền
Huyền tơ diu dệt chỉ ta nghe
Gió lộng mơ như nhạc ngựa về

Sớm dệt màng sương luôn bát ngát
Chiều theo hoa nắng rắc lè thè
Cuộc cờ thế giới xoay trăm hướng
Giữ chí trung kiên vẹn một bề
Tâm trạng anh hùng cứ thấu rõ
Hé lòng xin chút áng hương quê
Quê hương say nhớ chén Hoàng Hoa
Mấy độ thu về mấy dặm xa
Góc môi ngựa gầy thân lặn đạn
Cương mờ phấn nhạt mộng phôi pha
Rộn ràng trướng vũ ba hồi trống
Thồn thức phòng khuê mấy tiếng gà
Ngang dọc phong trần cơn sóng gió
Chiến bào kiên hãnh lướt bay qua
Qua bao năm nữa hời cao xanh
Hồn mộng bàng khuâng gió tạc mình
Ai lắng tơ long trọng tiếng nhạc
Mà đem tâm sự về nên tranh
Đã là kẻ sĩ trang anh đứng
Sá kể bầy hề lũ chiểu manh
Bút Việt tinh hoa sông núi Việt
Sư nhà tô lệ! nét đàn thanh

- 0 -

Thanh thanh non nước đón mừng người
Rộn ràng tung bùng mấy vẽ tươi
Gió lướt mơn cành hoa nụng nịu
Mây nghiêng vồn sóng nhạc chơi vơi
Ngựa xe dâu đến miền thôn giả
Đài cát nào người kiếp bề trời
Một chén trà thơm vui với sống
Ngũ Hồ đâu phải chuyện xa xôi



TẠI SAO

Mẹ

Chị

Anh

Em tôi đâu

Và tất cả người anh em VN của tôi có biết
không tại sao tôi lại khóc

Con chùn bé nhỏ dang tung tăng lượn giữa
bầu trời đầy sinh khí thoải mái tự do

Người ta bắt lại nhốt trong lồng vàng mở
cửa ra

Một mũi tên xuyên qua lồng ngực nó, máu trào
thấm tươi hòa với màu đất, màu xanh cây cỏ

—○—

Hỡi tất cả người anh em của tôi ơi

Chúng ta cùng một màu da

Cùng một tiếng nói

Máu cùng đỏ và nước mắt cùng mặn

Cùng kiên gang đũa chí vượt biết bao gian
nguy, biết bao kham khổ vượt cả không gian vượt cả
thời gian để đúc kết thành một mảnh đất thân
yêu đầy màu mỡ này.

Trên con đường hồ tương, trường tồn ấy, nó
em khẳng định và kết tinh phát xuất từ trong lòng ý
thức hệ của anh em ta mà không có một tà thuyết
nào phân tán được nhưng tại sao chiều nay tôi lại
khóc. Hỡi tất cả người anh em Việt của chúng tôi.

MINH THỂ

(Hà-Tiên)

Đính chính

Trang 23 Bài thi nhân thời tao loạn 2 câu đầu
xin đọc.

Giang tâm thu thủy bạch
Sơn sắc mộ vân cô



TIN TỨC Phật giáo

Những tin quan trọng

HUẤN TỪ của Đức Tăng Thống Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

(nhân Đại-hội bất thường ngày 21-10-66)

TRONG khi chúng ta ngồi đây thì hàng trăm hàng ngàn Phật-lữ đang là nạn nhân khốn khổ oan khốc của cơn pháp nạn chưa từng có trong lịch sử Phật-giáo. Cũng trong cơn pháp nạn này, âm mưu chia rẽ đã tạo ra nạn phân hóa trầm trọng mà hội bộ Phật-giáo phải gánh chịu. Tôi đau đớn nói lên hiện trạng bi đát đó để ước mong Đại-Hội hãy công tác với tôi, làm sao giảm bớt nỗi khổ tâm của Phật-giáo đồ khắp trong và ngoài nước:

Chưa bao giờ tủi cực, Phật-tử hoang mang và chán nản bằng lúc này. Tôi kêu gọi sự sáng suốt của quý vị có trách nhiệm đối với Giáo-Hội, Quý vị hãy nghĩ đến nỗi khổ nhục mà đạo pháp và tín đồ đang vì tự ái mà quên nhân cách và đạo pháp. Đại hội này là một cơ hội để quý vị làm với bớt nỗi khổ nhục mà đạo pháp và tín đồ đang chịu; tôi thành kính cầu mong như vậy.

Vì sao mà cần có Đại-Hội bất thường thì quý vị đã biết, vì sao mà tôi phải đương thân đứng triệu tập Đại-hội ấy, quý vị lại càng biết hơn. Già cả rồi mà tôi cũng phải nhẫn nhục và làm việc. Tôi ước mong quý vị lãnh đạo và quý vị đại biểu cũng cố gắng như vậy để báo đáp ơn Phật,

Thông cáo

Của Đại-Hội bất thường Giáo-hội Phật-Giáo VNNTN

21-10-1966

Tuy có sự phá hoại và hành hung liên tiếp xảy ra trong 3 buổi họp tại Việt Nam Quốc Tự, Đại hội vẫn bình tĩnh thực hiện nhiệm vụ của mình cho đến phiên họp chót tại địa điểm chùa Ấn Quang lúc 4 giờ sáng ngày 23-10-1966.

Đại Hội đã quyết định :

1.— Chấp nhận sự từ chức của hai Thượng Tọa Tâm Châu và T, Tri Quang

2.— Bàn cử Thượng-Tọa Thiện-Hoa đảm nhận chức vụ Viện-trưởng Viện-Hóa-Đạo. Ủy nhiệm Thượng-Tọa Thích-Trí-Tịnh đảm nhiệm chức vụ Chánh Thư-Ký Viện Tăng Thống.

3.— Đường lối mà Đại Hội ấn định cho Viện Hóa-Đạo là :

BỐI NỘI : Điều giải, kỹ luật củng cố nội bộ

BỐI NGOẠI ; Thiện chí thân hữu và đoàn kết.

Đại hội gặp phải những sự phá hoại thực chưa từng có trong lịch sử Phật giáo ; nhưng Đại Hội quan niệm rằng : trở ngại ấy là một thử thách của sự hành đạo, không có gì đáng kinh ngạc.

Ngoài ra sự tuyên bố tạm giải tán của tôi lúc 4 giờ 45 trong phiên họp thứ ba chiều ngày 22-10-1966 tại Hội trường Việt Nam Quốc Tự tạm ngưng buổi họp vì trật tự và an ninh, chứ không giải tán và bế mạc Đại hội.

Nhân danh chủ tọa Đại hội bất thường Giáo hội PGVNNTN trân trọng thông báo toàn thể chư Thượng Tọa Đại đức Tăng Ni và Tin tưởng tri ;

Chiều 21-10-1966 làm lễ khai mạc Đại hội dưới quyền chứng minh và chủ tọa tối cao của Đức Tăng Thống. Sau bài diễn văn khai mạc của Thượng Tọa Tam Châu đọc trước Đại hội báo tri Đại biểu biết là Hội đồng Chỉ đạo Viên Hóa Đạo xin từ chức và yêu cầu Đại hội bất thường bầu Ban Chỉ đạo mới thì tiếp theo nhiều cuộc lộn xộn xảy ra; la hét, phá hàng rào trật tự cố xông vào Hội trường, và nhiều tiếng súng nổ thì oai. Tuy nhiên Đại biểu vẫn bình tĩnh tiếp tục thảo luận và bầu Chủ tọa đoàn. Tôi được Đức Tăng Thống và toàn thể Đại biểu mời làm chủ tọa. Xáo trộn lại xảy ra nữa, họ xông vào Hội trường. Tôi nhân danh chủ tọa tuyên bố tạm ngưng và yêu cầu tái họp vào 9 giờ sáng 22-10-1966.

9 giờ sáng ngày 22-10-1966, Đại biểu đến đông đủ tái họp và yêu cầu Thượng Tọa Tam Châu vị Trưởng Ban tổ chức kiêm Trưởng Ban Trại tự cho biết có thể bảo đảm an ninh trật tự không? Thượng Tọa Tam Châu cho biết: Được, Đại hội bắt đầu thảo luận thì xáo trộn lại xảy ra dữ dội hơn. Vì thấy mất trật tự, tôi tuyên bố tạm ngưng, yêu cầu 3 giờ chiều sẽ tái họp. Vì đã hai phiên họp mất an ninh trật tự nhiều Đại biểu bị hăm dọa nên không đến họp.

Thấy nhiều Đại biểu vắng mặt vì lý do an ninh, tôi yêu cầu những đại biểu hiện diện thảo luận đề dời địa điểm họp hầu bảo vệ an ninh trật tự hơn. Đồng thời chúng tôi cũng cho Đại biểu biết đề trình lên Đức Tăng Thống. Bây giờ là 4 giờ 45 phút, tôi tuyên bố tạm ngưng để trình lên Đức Tăng Thống. Toàn thể Đại biểu hiện diện đứng lên niệm Phật, thì hàng trăm người bên ngoài hội trường vào la hét đã đảo tôi, hăm dọa, dâm chém v.v... Thượng tọa Tâu Châu chỉ lên tiếng yêu cầu Phật tử yên lặng và bỏ về ngay. Phần tôi bị bao vây, hăm dọa tại hội trường hơn một tiếng đồng hồ nhờ một số trật tự viên và Phật tử bảo vệ. Đến 6 giờ 30 tôi mới ra về được.

Tự kiểm điểm, tôi thấy không có lời gì xúc phạm ai trong lời
bàn chủ tọa, tôi chỉ cố gắng dung hòa ý kiến mà lại bị hành hung
như thế.

T.M. CHỦ-TỌA-ĐOÀN

T.T. THÍCH-QUẢNG-LIÊN



*Phái đoàn CTNLMT chùa Từ Nghiêm
Ni Sư Q. Lý Như Huệ Trưởng phái đoàn*

Tin tức Phật-Giáo cứu trợ nạn lụt

Ngày 11-10-66 chùa Từ Nghiêm (Chợ lều) Ni Sư Quản lý Như
Huệ co tổ chức một cuộc cứu trợ nạn lụt do chính Ni Sư hướng dẫn
đi Tân Châu và Châu đốc, để phát tận tay đồng bào: gạo, tiền, quần
áo và thuốc men,

Đây là số tiền và quần áo do các chùa hợp lại :

Của Phật tử và cư sĩ chùa Từ Nghiêm và chùa Phổ Đức
25.740đ, (hai trăm hai mươi lăm bảy trăm bốn chục đồng),

Tỉnh Lộ Ngọc Phương 66 gói quần áo, vải và khăn lờng.

Ban Từ Thiện Cổ Nhi Diệu Quang 28 gói quần áo và 60 cái mền

Đồng bào nạn lụt được chùa Từ Nghiêm tiếp tế :

Đồng bào Quận Tân Châu 10 bao gạo và	21.000đ
- 3 lẵng Kính Vĩnh Tế, Kính, Đào và Hòa Lạc	26.000đ
- Làng Tú Tề 40 gói quần áo, 20 cái mền và	30.000đ
- Làng Mỹ Đức 14 gói quần áo, 20 cái mền và	23.500đ
- Vĩnh Ngươn 40 gói quần áo, 20 cái mền và	26.000đ
- Thới Sơn	10.000đ
- Long Phú	30.000đ
- An Lạc	30.000đ

	196.500đ

Được biết rằng chùa Từ Nghiêm sẽ còn tiếp tục đi cứu trợ Phật
Đàn Kiến Tường và Kiến Phong vào ngày 11 tháng 9 âm lịch nữa,



Phái đoàn cứu trợ nạn lụt Chùa Từ Nghiêm
tại Núi Sam

Độc AN-LẠC số 7

☛ Phải Cách mạng đời sống dân nghèo
của đại đức
Thông-Bửu

Giới thiệu sách

★ Chúng tôi vừa nhận được Quyền đăng từ bi do Đại Đức Pháp Siêu gửi tặng chân thành cảm ơn Đại Đức và xin giới thiệu đến quý độc giả.

★ Chúng tôi vừa nhận được tác phẩm Mồ Hôi Nước Mắt của nhà văn Nguyễn Vỹ. Thành tâm ghi nhận và xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

Lưu ý cùng Quý giới đồng bào và

Phật - tử

Có nhiều người vì ham rẻ nên mua hương để cúng không biết loại hương nào đốt có thể trừ được uế trược, loại nào đốt để cúng ma, loại nào đốt để cúng Thần Thánh, Phật, Tiên.

- ☸ Loại hương làm bằng bột cây Ren cây bạch đàn, là để cúng ma.
- Loại làm bằng mạt-cưa là để cúng quỷ.
- ▲ Chỉ có loại làm bằng trầm, hay bằng huỳnh-đàm mới cúng đường chư Phật và chư hiền thánh.

Muốn biết ở đâu có hương làm nguyên chất tinh vi cúng đường đúng pháp, xin quý vị chịu khó tìm.

MỤC LỤC

- | | |
|--|-------------------|
| 5. nghĩ mà tủi | Đ.Đ. THÔNG BỬU |
| 8. người tại gia đối với xã hội | T.T. TRÍ QUANG |
| 16. mơ (thơ) | T. MINH TRI |
| 17. tu để quên và tu để nhớ | THIỆU SƠN |
| 23. thi nhân thời tao loạn (thơ) | SONG THU |
| 25. phải cải cách giáo dục như thế nào | NGUYỄN BÌNH TUYẾN |
| 33. diễn đàn Tăng sinh | Đ.Đ. THÔNG BỬU |
| 41. thần tượng | P.H. |
| 43. mặt ông già làm cảm | T. MINH TRI |
| 45. nhất thiết duy tâm (thơ) | T.T. MINH CHÂU |
| 46. mối chửa hôn dân tộc | MẠNH TƯỜNG |
| 58. đàn rudi | MINH TUẤN |
| 64. biến động | AN LƯU CƯ SĨ |
| 74. hương an lạc | NGUYỄN BÌNH TUYẾN |
| 76. nữ quý | HỨA ĐÌNH ANH |
| 82. miền các biển (thơ) | THÙY DƯƠNG TỬ |
| 83. nữ sĩ dặm phương | MINH THẾ |
| 89. tại sao (thơ) | AN LẠC |
| 91. tín tức phật giáo | |